DANH SÁCH CỰU QUÂN NHÂN, CẢNH SÁT, CÔNG CHỨC
TRẠI TỊ NẠN "ĐƯỜNG BỘ". SECT 5 VN. SITE TWO SOUTH THAILAND XIN BẢO TRỢ

Số TT	HỌ và TÊN	Năm sanh	Nơi sanh	Cấp bậc	Số quân	Chức vụ	QG đến đầu tiên	Ngày đến QG đó	Địa chỉ hiện tại	Số hồ sơ nếu có	Cước chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Ngô Ruởl	1947		Cảnh sát Viên		Nhân Viên	Thailand	17.11.86	VNLR P.O BOX.		
2	Trần Khuôn	1953		NQ		Đoàn Viên NDTV	-"-	17.11.86	76. ARANYAPRA-		
3	Trần Viên	1944		CS Viên		Nhân Viên	-"-	04.11.86	THET PRACHINBURI		
4	Lý. phú. Nguyên	20.9.52	Saigon	Binh 2	74/146590	Liên lạc viên	-"-	29.11.86	25120 (THAILAND)		
5	Kiên Xone	1949	Vĩnh Bình	Trung sĩ I	69/500632	Trung đội phó	-"-	27.9.86	-"-		
6	Sơn ngọc. Minh	3.4.47		NQ	442620	Trung Sĩ	-"-	14.8.86	-"-		
7	Thạch My	7.7.48	Bạc Liêu	NQ	48/100721	Y Tá	-"-	17.01.86	-"-		Form 2 người
	Thạch Sen	8.2.76	-"-				-"-	-"-	-"-		Con
8	Lý - Dime	5.4.51	Vĩnh phước (B.Liêu)	CS Viên	/	Trưởng TB Tư pháp	-"-	28.12.86	-"-		Form 7 người
	Thạch. thị. Hón	1955	Bạc Liêu				-"-	-"-	-"-		Vợ
	Lý. thị. Mai. Duyên	1974	Bạc Liêu				-"-	-"-	-"-		Con
	Lý. Hoàng. Nguyên	1977	Hậu Giang				-"-	-"-	-"-		Con
	Lý. thị. Mai. Dung	1980	-"-				-"-	-"-	-"-		Con
	Lý. Hoàng - Đô	1983	-"-				-"-	-"-	-"-		Con
	Lý - Hoàng. Đình	1986	-"-				-"-	-"-	-"-		Con
9	Thạch. Vong	08.8.49	Trà Vinh				-"-	13.6.86	-"-		Form 6 người
	Thạch. thị. Minh	1949					-"-	-"-	-"-		Vợ
	Thạch. Tha	1979					-"-	-"-	-"-		Con
	Thạch. thị. Chanda	1982					-"-	-"-	-"-		Con
	Thạch. thị. Bupha	1984					-"-	-"-	-"-		Con
	Thạch Chanmony	1986					-"-	-"-	-"-		Con
10	Trần Khel	1930	Bạc Liêu	Bác Ô	8936	CBH Chánh	-"-	28.11.86	-"-		Form 2 người
	Trần. thị. Lan	01.11.74	-"-				-"-	-"-	-"-		Con
11	Thạch. Thân	06.5.43	Nh. Trường, T. Vinh	Hạ sĩ	43/151523	Y Tá	-"-	11.11.86	-"-		
12	Thạch. Chén	15.10.40	Xã Tập Sơn, T. Vinh	CS Viên	375980	Nhân Viên	-"-	30.9.86	-"-		Form 2 người
	Thạch. Ui	20.6.61					-"-	-"-	-"-		Con

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
13	Thach . Kiên	1952	Trà Vinh	Đội Viên NQ	52/854502	Đội Viên NQ	Thailand	01.8.86	UNLR P.O BOX 76 PRANYAPRAONE; PRACHINBURI 25120 (THAILAND)		Form 6 người
	Thach . thi . Hên	1957	-//-				-//-	-//-			Vợ
	Thach . thi . Stan	1975	-//-				-//-	-//-			Con
	Thach . thi . Cam	1977	-//-				-//-	-//-			Con
	Thach . quant . Na	1983	-//-				-//-	-//-	-//-		Con
	Thach . Rót . tha	1988	Thailand				-//-	-//-	-//-		Con
14	Sơn . Sol	1956	V/châu B. Liêu	NQ	56M00613	Đội Viên NQ	-//-	20.12.86	-//-		
15	Sơn Sơ May	18.11.50	Long tuyền Cần Thơ	Thiếu úy	70/427190	Đại đội trưởng	-//-	07.10.86	-//-		Form 4 người
	Sóc . thi . Đông						-//-	-//-	-//-		Vợ
	Sơn . Sos Pottie						-//-	-//-	-//-		Con
	Son . Sos . Calicarsley						-//-	-//-	-//-		Con
16	Thach . Sea	11.5.51		Công Chức Xã	/	Công chức xã NL	-//-	24.8.86	-//-		Form 7 người
	Thach thi Somon	1959					-//-	-//-	-//-		Vợ
	Thach Seda	1977					-//-	-//-	-//-		Con
	Thach Soli	1979					-//-	-//-	-//-		Con
	Thach thi Bunchean	1983					-//-	-//-	-//-		Con
	Thach . thi . Neang	1985					-//-	-//-	-//-		Con
	Thach . Liên	1987					-//-	-//-	-//-		Con
17	Kim . Eo	1933	Vinh Bình	Hạ sĩ 1	476369 406369	Tiểu đội trưởng	-//-	25.10.86	-//-		Form 9 người
	Đào . thi . Nhờr	1937					-//-	-//-	-//-		Vợ
	Kim . thi . Chanh Thi	1968					-//-	-//-	-//-		Con
	Kim . thi . Chênh Tha	1969					-//-	-//-	-//-		Con
	Kim . thi . Chanh . Na	1971					-//-	-//-	-//-		Con
	Kim Hoà	1976					-//-	-//-	-//-		Con
	Kim . thi . Sây	1978					-//-	-//-	-//-		Con
	Kim . thi . Hiệp	1980					-//-	-//-	-//-		Con
	Kim . Luy	1982					-//-	-//-	-//-		Con
18	Kim . Net	1942	Vinh Bình Trà Vinh	Mike force	/	Tiểu đội phó	-//-	17.6.86	-//-		Form 6 người
	Thach . thi . Chhuône						-//-	-//-	-//-		Vợ
	Thach . thi . Luôm		-//-				-//-	-//-	-//-		Con
	Kim . Bết		-//-				-//-	-//-	-//-		Con
	Thach . thi . Pich		-//-				-//-	-//-	-//-		Con
	Thach . thi . Wôm		-//-				-//-	-//-	-//-		Con
19	Thach . Coul	1941	Bạc Liêu	Hạ sĩ 1	61/144170	Tài Xế	-//-	17.11.86	-//-		Form 4 người
	Sy . thi . Lương	1942	-//-				-//-	-//-	-//-		Vợ
	Thach . Sarưsing	1976	-//-				-//-	-//-	-//-		Con
	[illegible]	[illegible]	-//-				-//-	-//-	-//-		Con

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
20	Sơn . Cao	10.6.40	Trà Vinh	Hạ sĩ I	40/475114	Nhân Viên ban 3	Thailand	13.6.86	-"-		Form 10 người
	Thach . thị . Hương	1950	-nt-				-"-	-"-	-"-		Vợ
	Thach . ngọc . Ngời	1962	-nt-				-"-	-"-	-"-		Con
	Sơn . thị . Chiêng	1965	-nt-				-"-	-"-	-"-		Con
	Sơn Cản	1967	-nt-				-"-	-"-	-"-		Con
	Sơn . thị . Bach . Tha	10.3.73	-nt-				-"-	-"-	-"-		Con
	Sơn Sóc Khoa	14.6.77	-nt-				-"-	-"-	-"-		Con
	Sơn Sóc Khanh	28.9.79	-nt-				-"-	-"-	-"-		Con
	Sơn . Sóc . Kha	06.6.81	-nt-				-"-	-"-	-"-		Con
	Sơn . thị . Soc . Khum	06.12.84	-nt-				-"-	-"-	-"-		Con
21	Lý . Luôl	10.10.50	Vĩnh Châu B. Liêu	Binh I	70/512452	Khinh binh	-"-	28.9.87	-"-		Form 3 người
	Sơn . thị . Láp	1951	-nt-				-"-	-"-	-"-		Vợ
	Lý . thị . Xay	1973	-nt-				-"-	-"-	-"-		Con
22	Lý . Chinh	01.12.32	Mỹ Xuyên S. Trăng	Trung úy	52/139743	Trung đội trưởng CH	-"-	17.5.87	-"-		Form 5 người
	Lâm . thị . Saine	1933	Sóc Trăng				-"-	-"-	-"-		Vợ
	Lý . Aó . Dzu	1960					-"-	-"-	-"-		Con
	Lý . Trường . Xuân	1968					-"-	-"-	-"-		Con
	Lý . quốc . Thanh	1969					-"-	-"-	-"-		Con
23	Kim . Siphone	1953	Tiểu Cần V. Bình	Tr. Sĩ I	095759	Trung đội trưởng	-"-	08.4.87	-"-		Form 2 người
	Kim . Bach						-"-	-"-	-"-		Con
24	Thach . phát	02.5.53	Cầu Ngang T. Vinh	Binh II	73/126415	Khinh binh	-"-	24.3.87	-"-		
25	Danh . Chung	08.5.56	Q.10 Tô Hiến Thành SG				-"-	25.10.87	-"-		
26	Sơn . Sang	1947	Ba Xuyên	Binh I	67/528525	Tổ Trưởng	-"-	25.02.87	-"-		Form 2 người
	Sơn . Sã . Huỳnh	1972					-"-	-"-	-"-		Con
27	Sơn . Sang	5.10.55	Nhị Trường VB				-"-	19.8.87	-"-		
28	Thach . Ny	9.12.51	Tiểu Cần Trà Vinh	Trung úy	095729	Đại đội trưởng	-"-	02.3.87	-"-		
29	Tô . phung . Thành	7.11.33	Ứng Cai	Trung sĩ I	33/124266	Tiểu đội trưởng	-"-	07.3.87	-"-		
30	Thach . Eng	11.11.52	Trà Vinh	HS1	72/517631	CC/12/11/[illegible]	-"-	14.8.87	-"-		Form 2 người
	Thach . duy . An	1973	Vinh Binh				-"-	-"-	-"-		Con
31	Lý . Chum	1945	Bạc Liêu	Binh 2	45M-007001	ĐV nghĩa quân	-"-	19.9.87	-"-		Form 6 người
	Cao . thị . Siên	1958					-"-	-"-	-"-		Vợ
	Lý . thanh . Phong	1980					-"-	-"-	-"-		Con
	Lý . thanh . Vinh	1982					-"-	-"-	-"-		Con
	Lý . thị . Đoni	1984					-"-	-"-	-"-		Con
	Lý . thanh . Thi	1986					-"-	-"-	-"-		Con

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
32	Châu Roanh (Con)	25.10.59	Mỹ Tân. CĐ/Đốc				Thailand	25.10.87	-//-		Form 4 người
	Neon . Hi . Non	1963	Châu Đốc				-//-	-//-	-//-		Vợ
	Châu . thị . Na	1985	-//-				-//-	-//-	-//-		Con
	Châu . thị . Ni	1986	-//-				-//-	-//-	-//-		Con
33	Hồ . Viết . Khuân	18.9.54	Phú Hoà . Huế	Công Chức	/	Giáo Viên	-//-	12.8.87	-//-		
34	Ngô . Đức Tỉ Zỹ	1953	Bạc Liêu	Binh I	73/500974	Thơ Ký	-//-	20.11.87	-//-		
35	Bac . Kim . Đào	08.3.56	Thủ Đức . GĐịnh	Binh I	76H11639	Khinh binh	-//-	25.02.87	-//-		
36	Huỳnh . Enh	1952		CBXDNT	/	/	-//-	22.5.87	-//-		Form 4 người
	Huỳnh . thị . Sathia	1977					-//-	-//-	-//-		Vợ
	Huỳnh . Samit	1979					-//-	-//-	-//-		Con
	Huỳnh . Sama	1980					-//-	-//-	-//-		Con
37	Kim phước	1951	Ba Xuyên	Hạ Sĩ 2	51/795798	Khinh binh	-//-	19.9.87	-//-		Form 7 người
	Thach . thị . Xuyên	1952					-//-	-//-	-//-		Vợ
	Kim . Sĩ . Tha	1973					-//-	-//-	-//-		Con
	Kim thị . Si Tha	1975					-//-	-//-	-//-		Con
	Kim Si nich thi	1978					-//-	-//-	-//-		Con
	Kim thị Ma Ni	1980					-//-	-//-	-//-		Con
	Kim . thị . Si Đa	1983					-//-	-//-	-//-		Con
38	Thach Hai Tỉ Cô	1938		Trung sĩ I	/	Cảnh Sát VB	-//-	03.12.87	-//-		Form 4 người
	Thach . thị . Suôl	1937					-//-	-//-	-//-		Vợ
	Thach . Cường	23.10.67					-//-	-//-	-//-		Con
	Thach . Thanh Tùng	18.12.71					-//-	-//-	-//-		Con
39	Thach . Siphane	10.10.41		NQ	922603	Đội Viên NQ	-//-	10.8.87	-//-		Form 6 người
	Thach . thị . Thối	1954					-//-	-//-	-//-		Vợ
	Thach Khương	02.02.72					-//-	-//-	-//-		C
	Thach Lang	04.4.80					-//-	-//-	-//-		
	Thach . thị . Sốc	5.5.82					-//-	-//-	-//-		
	Thach . thị . Mao	07.7.85					-//-	-//-	-//-		
40	Trinh . văn . Bé	16.9.38	Cầu Ngang T. Vinh	Trung uý	58/145676	SQ Lưỡng giá áp	-//-	24.3.88	-//-		
	Trinh . văn . Long						-//-	-//-	-//-		
	Trinh . văn . Bửu						-//-	-//-	-//-		

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41 42 43	Lê. Hùng - Cường Nguyễn - văn - Phúc Nguyễn . văn . Tiếng	1933 29.11.43 13.01.44	Hà Nam Ninh Chợ Lớn (SG) Cần Thơ	Trung sĩ Trung Sĩ Đại uý	54/304660 63/107028 44/194273	Y tá TYVCH Trưởng Toán ĐTĐB Tiểu đoàn phó	Thái Land -//- -//-	21.5.88 25.5.88 25.5.88	UNLR P.O BOX 7 -//- -//-		Lư Đoàn 4 Nhảy dù
44	Chương - Đình - Chu Nguyễn - thị - Hồng	08.3.40	Cần Thơ	Đại uý	60/138938	S.Q Tâm Lý Chiến	-//- -//-	03.4.88 -//-	-//- -//-		Form 2 người Vợ
45	Thạch . Sửa Đang - thị - Saphanh Thạch - thị - ngọc - Sương Thạch - hoa - phượng Thạch - thị - thuỳ - Linh	25.3.53	Cầu Ngang T. Vinh	C.S.Viên	12734	Cảnh Sát Xã	-//- -//- -//- -//- -//-	11.3.88 -//- -//- -//- -//-	-//- -//- -//- -//- -//-		Form 5 người Vợ Con Con Con
46	Thạch . Miết Thạch . thị . Samên Thạch Minh, Trí Thạch . Chí . Linh Thạch . Cola	01.5.30 01.12.38 01.01.70 01.12.75 15.8.77	Cầu Kè T. Vinh Mỹ Hoà Tr. Vinh -//- -//- -//-	Trưởng Chi TT	8923	Trưởng Chi T.Tin	-//- -//- -//- -//- -//-	14.01.88 -//- -//- -//- -//-	-//- -//- -//- -//- -//-		Form 5 người Vợ Con Con Con
47	Thạch . Qua Kiên - thị - Vana Thạch Chin, Thạch Thắng Thạch Chiến Thạch . thị . Vany Thạch . hoàng . Thanh	1950 1952 1978 1980 1983 1986 1987	Vĩnh Bình	NQ	50/481859	Đội Viên NQ	-//- -//- -//- -//- -//- -//- -//-	14.01.88 -//- -//- -//- -//- -//- -//-	-//- -//- -//- -//- -//- -//- -//-		Form 7 người Vợ Con Con Con Con Con
48	Cao Trọng Triển Cao Thị Biếc Lưu Đức Thể	1928 1968 1953	Quảng Trị " Nam Hà Đông	công thức công binh		Tác công công chánh Tr/Đội Trưởng	-//- -//- -//-	18-06-88 -//- -//-	-//- -//- -//-		cha con Con Rể

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
49	Thạch - Rên	09.3.49	Xã Hòa Bình B.Liêu	—			Thailand	29.11.87	-//-		Form 8 người
	Thạch thị Ken	1950	-//-	[redacted]			-//-	-//-	-//-		vợ
	Thạch Xuân	1971	—	[redacted]			-//-	-//-	-//-		Con
	Thạch Thành	1973	—	—			-//-	-//-	-//-		Con
	Thạch Ngân	1975	—	—			-//-	-//-	-//-		Con
	Thạch Danh	1977	—	—			-//-	-//-	-//-		Con
	Thạch Thái	1979					-//-	-//-	-//-		Con
	Thạch thị Diêu	1981					-//-	-//-	-//-		Con
50	Lâm văn Nghĩa	1953					-//-	12.6.86	-//-		Form 6 người
	Thạch thị Quen						-//-	-//-	-//-		vợ
	Lâm văn Sang						-//-	-//-	-//-		Con
	Lâm thị Cầu						-//-	-//-	-//-		Con
	Lâm thị Phương						-//-	-//-	-//-		Con
	Lâm văn Quyền						-//-	-//-	-//-		Con

Danh Sách Con Của QN. CSQG. CC. VNCH "Đường Biển"
Đang Tỵ Nạn Tại Trại Biên Giới Site Two Thailand
(tiếp theo số 163 Danh Sách trước)

Số TT	Họ và Tên	Ngày Sinh / Cấp Bậc	Phái / Số Quân	Quan Hệ	Nhập Ngũ	Nơi Sinh / Chức Vụ	Đơn vị cuối cùng	Cải Tạo	Nhập Trại	Ghi Chú
1	Phạm Thị Xuân THU	01.10.68	Nữ	con		Kiên Giang			01.04.88	
	Phạm Văn Cao	Trung sĩ		cha		Khẩu đội trưởng	Pháo Binh			
2	Trần Thị THỦY	67	Nữ	con		Kiên Giang			01.04.88	
	Trần Văn ÚT		803.440	cha			CK. Kiên Giang			
3	Nguyễn Trần HÃ	76	Nam	con		Lâm Đồng			01.04.88	
	Nguyễn Văn Thái	Trung sĩ 1		cha			Ban Quân Số 8A5B3			
4	Vũ Đình HUY	76	Nam	con		Saigon			01.04.88	
	Vũ Đình [illegible]	Trung sĩ 1		cha						
5	Đỗ Thuận LIỆT	16.05.64	Nam	con		Saigon			01.04.88	
	Đỗ Đăng Khoa	Trung úy		cha			Liên Đoàn Bảo Vệ [illegible]			[illegible]
6	Đỗ Thị Thu HÀ	23.01.68	Nữ	con		Saigon			01.04.88	
	Đỗ Đăng Khoa	Trung úy		cha			LĐ Bảo Vệ Phủ Tổng Thống			[illegible]
7	Nguyễn Hoài HỌC	31.10.73	Nam	con		Saigon			01.04.88	
	Nguyễn Thị Nhàn	CSQG		mẹ			CSQG			
8	Đỗ Thị Kim Thoa	16.12.67	Nữ	con		Saigon			01.04.88	
9	Đỗ Đình Rư	12.01.63	Nam	con		Saigon			01.04.88	
10	Đỗ Việt Thanh	19.05.73	Nam	con		Saigon			01.04.88	
	Đỗ Văn Truất	Hạ sĩ 1	55/158178	cha		Thư Ký	Tổng Kho Long Bình			
11	Trang Thị Mỹ Loan	30.09.65	Nữ	con		Sa Đéc			01.04.88	
	Trang Văn Sang	Đại úy		cha			Đơn Vị 4 Quân Trị Cần Thơ	8 năm		
12	Nguyễn Văn Kỹ	26.08.62	Nam	con		Kiên Giang			01.04.88	
13	Nguyễn Văn Kỳ	20.08.64	Nam	con		Kiên Giang			01.04.88	
14	Ng Thị Như Cúc	24.12.58	Nam	con		Kiên Giang			01.04.88	
	Nguyễn Văn Chuẩn	Hạ sĩ 1		cha						
15	Nguyễn Thị Cúc	25.12.62	Nữ	con		Gia Định			01.04.88	
	Nguyễn Văn Ngoan	B2		cha						
55	Trần Thị Mỹ Linh	12.08.74	Nữ	con					07.05.88	
	Trần Văn Chín	Trung sĩ 1	65/106605	cha	04.10.65	Kiến Tường	Ban Pháo Binh Tiểu Khu Kiến Tường	7 ngày		
56	Nguyễn Thị Phương Trinh	13.06.64	Nữ	con		Định Tường			07.05.88	
	Nguyễn Hữu Ái	Nghạch Thư Ký		cha		Thư Ký	Hội Đồng ~~Nhân~~ Dân + Đảng Dân Chủ xã Hòa An	3 ngày		

Sau →

16	Hồ Trần Diên Sơn Hồ Trung	28.03.68 Thiếu Tá	Nam	con cha		Huế Quận Trưởng	GT/CKT Điện Khánh. Khánh Huế	8 năm	07.05.58	IV212847
17 18	Lê Thị Tuyết Mai Ng Lê Mai Thy Nguyễn văn Minh	16.10.44 11.04.74 Thiếu Tá	Nữ Nữ DBDE15568	vợ con chồng		Quảng Ngãi Saigon Bưu Tập Vận	Chủ Sự Phòng Điều Tra Giám Sát Nha Miền Đông	5 năm	07.05.58 07.05.58	IV205092 VEWL 40739
19	Bùi Quốc Khánh Bùi Thư	01.11.68 Ngạch 5	Nam	con cha		Vũng Tàu	Trưởng Ty Công Vụ Tỉnh An Xuyên	6 năm	07.05.58	IV029988
20	Trần Đình Quốc Bảo Trần Đình Minh	20.07.57 Phó Đốc Sự	Nam	con cha		Quảng Trị Phó Tỉnh Trưởng	Tỉnh Quảng Trị	5 năm	07.05.58	IV 94495 VEWL 27084
21 22	Lộc Thị Thu Vân Lộc Văn Tuấn Lộc văn Toàn	10.09.62 03.12.66 Trung Sĩ 1	Nữ Nam 51/303101	con con cha		Kiến Phong Bạc Liêu	SĐ21BB. (TĐ4/TĐ31)	10 năm	16.04.58 16.04.58	
23	Nguyễn Ngọc Tùng Nguyễn Kim Đang	23.05.71 B1	Nam 700327	con cha		Gia Định Khánh Đình	TĐ3 TQLC KBC. 3337	3 năm	01.04.58	
24 25 26	Dương Thường Dương Vinh Dương Thị Tuyết Dương Thái	62 69 71 Thượng Sĩ	Nam Nam Nữ	con con con cha	57	Thừa Thiên Thừa Thiên Thừa Thiên CSQG/ĐB	Ty CSQG Thừa Thiên	1 năm	16.04.58 16.04.58 16.04.58	
27	Phạm Thi Phạm Hữu Thường	02.02.70 B1	Nam 56/8012B	con cha	70	Saigon	Lục Quân Công Xưởng	7 năm	01.04.58	
28	Ngô Thái Sơn Ngô Phước Hiếu	25.02.70 Đại úy	Nam	con cha		Cần Thơ		9 năm	[illegible].04.58	
29	Dương Thị Lan Dương văn Hương	31.01.53 Trung Sĩ 1	Nữ	con cha		Gia Lộc	Trung Tâm 3 Nhập Ngũ	7 năm	01.04.58	
30	Nguyễn Trung Sơn Nguyễn Trung Lâm	01.10.72	Nam	con cha		Quảng Nam		13 năm	01.04.58	
31	Trương Kỳ Trương Xứng	20.07.60 Hạ Sĩ 1	Nam 41/202437	con cha	16.10.59	Thừa Thiên	Chi Khu Khai Thác Điện Nghĩa An Lộc	14 năm	07.05.58	
32	Nguyễn Thị Soan Nguyễn Công Khải	27.01.59 B1	Nữ 51/104506	con cha		Bình Dương	CĐ3/1 TQV · TRĐTKB	[illegible] năm	07.05.58	
33	Nguyễn Anh Quang Sơn Nguyễn Anh Lễ	21.01.75 Thiếu Tá	Nam	con cha		Sa Đéc ĐĐT	PĐ Tiếp Vận Chương Thiện	10 năm	07.05.58	

34	Võ Hải Võ Toàn	12.03.67 Đại tá	Nam	con cha		Thừa Thiên Trung Đoàn [illegible]	Bị mất tích năm 1975 [illegible]	07.05.88	
35	Thái Viết Thuận Thái Nhi	10.12.72	Nam	con cha		Cần Thơ			16.04.88
36	Dương Phúc	55	Nam	con		Thừa Thiên			16.04.89
37	Trần Thị Trường	55	Nữ	dâu		"			"
38	Dương M. Phương	77	Nam	cháu					"
39	Dương Q. Chung	79	Nam	"					"
40	Dương Thị Thủy	81	Nữ	"					"
41	Dương văn Toàn Dương Hải	85 Quảng Ngãi	Nam	" cha			Giải Ngũ [illegible]	3 tháng	"
42	Nguyễn thị Minh Thu Nguyễn Tuyền	27.01.58 Đại úy	Nữ 20/074499	con cha		Thừa Thiên	Ban liên hợp Quân sự 2 Bên	4 năm	07.05.89
43	Phan Trần HUY Phan Hàn Thạch	03.11.69 Thiếu tá	Nam	con cha		Qui Nhơn Đại Đội Trưởng Hành Chánh Tiếp Vận Qui Nhơn		6 năm	07.05.88
44	Lê Thị Trường An Lê Song	68	Nữ	con cha					16.04.88
45	Hoàng Gia Khang Hoàng Gia Cát	18.08.73 Trung úy	Nam	con cha		Saigon Nhân Viên	Bộ Tài Chánh	4 năm	26.03.88
46	Hoàng thị Tuyết Nga Bùi văn Phẩm	04.11.41 Trung Tá	Nữ	vợ chồng		Hà Nội TP. ETCT	BTL. SĐ.TQLC	5 năm	26.03.88
47	Thạch Vinh	15.06.59	Nam	con		Saigon			02.08.87 07.07.87
48	Thạch Sơn Hà	17.10.65	Nam	con		Saigon			25.10.87
49	Thạch Sơn Hòa Thạch Nhung	29.04.69 CSQG	Nam	con cha		Saigon CSQG	BTL. CSQG chết 1970		
50	Sơn ngọc Dương Sơn Miên	64 NQ	Nam	con cha		Trà Vinh NQ	Trà NQ		29.04.88
51	Mô thanh Liêm Mô Quang Hoài	05.01.57 Thiếu tá	Nam	con cha		Long An Trưởng Phòng	Phòng Truyền tin TK. Sađec	6 tháng	07.05.88
52	Nhơn Tuyết Hồng Thạch Nhơn	21.06.60 CB. PTST	Nữ	con cha		Vĩnh Bình Trưởng Ty	Ty Phát Triển Sắc Tộc	6 năm	07.05.88
53	Hà Quốc Tuấn Hà Đăng Bình	26.11.71 Trung sĩ	Nam 73/602508	con cha		Rạch Giá		7 ngày	16.04.88
54	Trần Trung Hưng Trần Thi	20.10.74 Hạ sĩ	Nam 37/839289	con cha		Saigon	Cục Quân Tiếp Vụ	3 ngày	07.01.88

57	Nguyễn Văn VINH Nguyễn Văn Mai	12.09.1964 Binh 2	Nam 56/411634	con cha	11.10.1966	Quảng Đức Khinh Binh	Ty Thương Binh Q Đức	2 tháng	01.04.88	
58	Phạm Huy Hoàng HẢI Phạm Huy MY	05.06.1972 Đại úy	Nam 63/100316	con cha	01.10.1961.	Biên Hòa Đại Đội Trưởng	00.000/BCH.TK Biên Hòa	6 năm	07.05.88	
59 60 61	Nguyễn Hải TRIỀU Nguyễn Hải Trân CHÂU Nguyễn Vũ Khanh LÊ BÙI THỊ NHƯ [illegible] Nguyễn Mạnh TUẤN	1975 1976 1983 12.10.1938 Đại úy	Nam " Nữ 62/208265	con con con mẹ cha		QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG Trưởng Ban 2	TR06 - 80288.	7 năm	07.05.88 " "	
62	Tống Nữ Anh THẢO NÃ THỊ TẤN Tống Trưởng HỘI	1984 17.05.1954 Trung Úy	Nữ 70/209518	con mẹ cha		Saigon QUẢNG TRỊ Trưởng Ban Phẫu TB	Ty ANQĐ Quảng Đức	8 năm	"	
63	Trương Thị Tường Vi Trương Quí Lâm	11.09.1966 Trung Tá	Nữ	con cha		Saigon Bác Sĩ Quân Y	Quân Y Viện Duy Tân	3n 6 tháng	"	
64	Bùi Thị Thanh Hằng Bùi Quang Long	11.10.1958 Thiếu Tá	Nữ 48/300498	con cha		Saigon Chi Khu Phó	TK. Biên Hòa	8 năm	"	
65	Tôn Nữ Hương Trang Vĩnh Sanh	04.09.1967 Đại úy	Nữ 50/201466	con cha		Huế Trưởng Ban HC	Tiểu Đoàn 230 TTRC.	7 năm	13.05.88	
66 67	Nguyễn Thị Yến NGA Nguyễn Thị Minh TÂM Nguyễn Văn Bưởi	09.05.1968 1973 Trung Sĩ	Nữ Nữ 64/600701	con con cha		Thừa Thiên " Tài Xế	Sư Đoàn 1 Bộ Binh		13.05.88 "	
68 69	Dương Đức ĐỘ Dương Đăng Khánh Dương Văn Nguyên	20.03.1972 27.07.1973 Thượng Sĩ 1	Nam Nam 52/001081	con con cha		Saigon Saigon	Tiểu Đoàn Truyền Tin 20	7 ngày	" "	
70 71 72	Danh Nương Danh Thị SaRy Danh Thanh Bạch Danh SƯƠNG	13.02.1960 19.05.1969 1974 NQ	Nam Nữ Nam	con con con cha		Kiên Giang " " NQ	CK. Kiên An	12 năm	16.04.88 16.04.88 "	
73	Vũ Tiến Thịnh Vũ Tiến	02.08.1972 Trung Sĩ 1	Nam 64/176236	con cha	24.09.1964	Saigon	Cục Xã Hội	3 ngày		
74	Trần Vương VŨ Trần Hoàng Giang Trần Duy CÁT	11.07.1969 24.07.1970 Văn Nghệ Sĩ		con cha		Saigon Saigon Văn Nghệ Sĩ	Văn Nghệ Sĩ Chống Cộng Sản	6 năm		IV 580033 VEWL 16597

DANH SÁCH CON CỰU QUÂN NHÂN CẢNH SÁT CÔNG CHỨC V.N.C.H ĐƯỜNG BIÊN ĐANG TỊ NẠN TẠI TRẠI BAN. THAD THAILAND

	HỌ VÀ TÊN	NĂM SANH / CẤP BẬC	PHÁI / SỐ QUÂN	QUAN HỆ	NGÀY NHẬP NGŨ	NƠI SANH / CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CUỐI CÙNG	THỜI GIAN CẢI TẠO	NGÀY NHẬP TRẠI	CƯỚC CHÚ
01	CAO THỊ HỒNG . HOA	14 .. 63	Nữ	CON		ĐÀ NẴNG			16.03.88	
	CAO . LƯƠNG	TR . SĨ I		CHA						
02	NGUYỄN. KỲ. THU VÂN	09.10.68	Nữ	CON		ĐÀ. LẠT			16.03.88	
	NGUYỄN KỲ . VỌNG	THIẾU TÁ	59/101896	CHA	23.11.59					
03	NGUYỄN XUÂN TRANG	17.09.66	Nam	CON		SÀIGÒN			16.03.88	
	NGUYỄN VĂN DẬU	TR . SĨ	26/006328	CHA			TỔNG NHA THANH TRA QUÂN L			
04	HUỲNH THỊ THÙY HƯƠNG	21.03.69	Nữ	CON		CỬU - LONG			16.03.88	
05	HUỲNH THỊ QUẾ LAN	18.10.72	Nữ	CON		— " —			— " —	
	HUỲNH . ĐÌNH . TÂM	Đại úy	44/194319	CHA						
06	NGUYỄN TÙNG. PHƯƠNG	1968	Nam	CON		Sài GÒN			16.03.88	
07	NGUYỄN TRÚC. PHƯƠNG	1966	Nam	CON		— " —			— " —	
	NGUYỄN TRÚC . THƯ	Đại úy	59/102208	CHA						
08	NGUYỄN. MINH. TÂM	08.08.61	Nam	CON		BÌNH . DƯƠNG			16.03.88	
	NGUYỄN VĂN . RIỆU			CHA						
09	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	15.10.59	Nam	CON		Sài GÒN			16.03.88	
	NGUYỄN . ĐÌNH . VINH	Đại Tá	55/109142	CHA			BTL Đặc nhiệm Q. Đoàn III	còn cải tạo		
10	NGUYỄN. THỊ . HỒNG	06.10.70	Nữ	CON		CHÂU ĐỐC			16.03.88	
	NGUYỄN. VĂN . RU	TR . SĨ		CHA				02 năm		
11	VŨ . ĐỨC . KHÔI	14.12.71	Nam	CON		SÀIGON			16.03.88	
	VŨ . TRỌNG . KHẢI	Đại úy		CHA		TR.Ban Căn cước	Ty CSQG ĐÀ LẠT	09 năm 6 th		
12	PHÙNG . THỊ . ÁNH . TUYẾT	26.08.69	Nữ	CON		SÀIGÒN			17.03.88	
	PHÙNG . VĂN . TƯƠI			CHA		NHÂN . viên	T.Nha Bưu Điện SÀIGÒN			
13	NGUYỄN. NAM . SƠN	16.09.60	Nam	CON		SÀIGÒN			16.03.88	
	NGUYỄN . VĂN . NGUYỄN	Th . sĩ		CHA		P. Ngân . viên	CCQO Tiếp tế Sửa chữa dữ	03 ngày		
14	HỒ . VĂN . HẢI	05.07.64	Nam	CON		THỪA THIÊN			17.03.88	
	HỒ . VĂN . THÌN	Hạ sĩ I	61/214670	CHA		Tài xế	ĐĐ.147 Cầu Nối Thừa Thiên	06 Tháng		
15	[illegible] MINH . SƠN	1957	Nam	CON		THỪA Thiên			17.03.88	
	[illegible] DIỆN	B1		CHA			Thương binh 90%			
16	VŨ [illegible] KHÔI	1970	Nam	CON		SÀIGON			16.03.88	
	VŨ NGỌC NGOAN	Thiếu úy	54/400679	CHA			Quân cụ Q.Trang Q.Dụng			

35	ĐÀO MẠNH TRUNG KHÁNH ĐÀO MẠNH - TRUNG	09.02.80 TR. ÚY	Nam	CON CHA		SÀI GÒN PHI CÔNG	SĐ I KHÔNG QUÂN	[illegible] USA	16.03.88
37	DƯƠNG - TIỂU - LONG DƯƠNG - GIÁO	10-06.63 N. QUÂN	Nam 189792	CON CHA		QUẢNG NGÃI NGHĨA QUÂN	TK QUẢNG NGÃI	06 tháng	16.03.88
38	NGUYỄN - QUỐC TÂN NGUYỄN - VĂN - TÌNH	09.01.57 ĐẠI ÚY	Nam 58/403722	CON CHA		BAN MÊ THUỘT SQ PHÂN KẾ TC	HCTC BỘ TTM	05 năm 7 th	26.03.88
39	NG. THỊ - THU NGUYỆT NGUYỄN - VĂN - LIÊM	04.03.60 TR. SĨ	Nữ	CON CHA		BÌNH DƯƠNG TR. ĐỘI TRƯỞNG	TĐOÀN 43 BIỆT ĐỘNG QUÂN		26.03.88
40	HỒ THỊ THỤC - ĐOAN HỒ - NHƯ - NHUNG	08.9.80 THIẾU ÚY	Nữ	CON CHA		BÀ RỊA SQ TIẾP LIỆU	SĐ III KHÔNG QUÂN	03 năm	16.03.88
41	HUỲNH - PHƯỚC - HẢI HUỲNH - VĂN - LẠC	03.01.72 TRUNG SĨ	Nam 49/062342	CON CHA		SÀI GÒN		05 ngày	16.03.88
42	[illegible] NHỰT HUY [illegible] - VĂN	02.03.53 TR. SĨ I	Nam 69A/700537	CON CHA		SA ĐÉC	CC HẢI QUÂN CÁT LÁI	07 ngày	26.03.88
43 44	HỒ THỊ CHÂU DUNG HỒ THANH MINH CHÂU HỒ VĨNH CHÂU	19.12.75 1978 THIẾU ÚY	Nữ Nam	CON CON CHA		SÀI GÒN - " - PHÁT NGÂN VIÊN	TR TÂM YTTV QUẢNG NAM	03 năm	26.03.88 26.03.88 con đang ở USA
45 46	[illegible] THỊ NGỌC HÂN [illegible] THỊ ĐANG THANH [illegible] - VĂN - THANH	07.10.66 22.10.67 THIẾU TÁ	Nữ Nữ	CON CON CHA		SÀI GÒN - " - HUẤN LUYỆN	TR. VÕ BỊ ĐÀ LẠT	08 năm 9 tháng	26.03.88 26.03.88
47 48	MAI - THỊ - BÌNH MAI THỊ [illegible] LOAN MAI - VĂN - TÂN	11.10.59 22.06.66 THIẾU TÁ	Nữ Nữ 30/[illegible]129	CON CON CHA		SÀI GÒN - " - AN NINH QĐ	CỤC AN NINH QĐ	05 năm	26.03.88 26.03.88
49	PHAN - THẾ - VŨ PHAN - PHÚ - [illegible]	 N. QUÂN	NAM 217670	CON CHA	10.03.1969	SÀI GÒN PHÓ CHỦ TỊCH	BÍ THƯ và ĐẢNG BỘ DÂN CHỦ	06 năm	01-04.88
50 51	ĐOÀN - THỊ - THU ĐOÀN - MINH - MẪN ĐOÀN - THƯỚC	26.10.68 20.5.70 THIẾU ÚY	Nữ Nam 60/100469	CON CON CHA		THỦ ĐỨC - " - ĐỘI TRƯỞNG	TRINH SÁT SĐ 18 BB		26.03.88 - " -
52	NGUYỄN - NHƠN NGUYỄN QUỲNH	[illegible]	Nam	CON CHA					16.04.88
53	NGUYỄN THỊ LỆ THỦY NGUYỄN LẠC	08.11.66	Nữ	CON CHA		CS DÃ CHIẾN	TY CSQG THỪA THIÊN		16.04.88
54	NGUYỄN - HOÀNG - NAM NGUYỄN - VĂN - SỸ	14.11.71 TR. SĨ	Nam	CON CHA		TIỂU ĐỘI TRƯỞNG	LĐ II BIỆT ĐỘNG QUÂN		16.04.88 Tử trận
55	NGUYỄN - VĂN THANH NGUYỄN [illegible] CỦA	1962 [illegible] SĨ	Nam 100527	CON CHA		BIỆT PHÁI	CBXDNT TỈNH		16.04.88

56	NGUYỄN THỊ TỐ NGA	25.5.62	Nữ	CON	THỪA THIÊN				16.04.88	
	NGUYỄN - ĐĂNG - BANG	ĐẠI UÝ		CHA		CHI KHU PHÓ	TK THỪA THIÊN	07 năm 6th		
57	TRẦN - THỊ TRINH	10.10.64	Nữ	CON		THỪA THIÊN			16.04.88	
	TRẦN - VĂN - DE	TR.SĨ I	59A/701239	CHA	20.06.62		GIANG ĐOÀN 32 XUNG PHONG	01 năm		
58	NGUYỄN ĐĂNG THUẬN	01.10.67	Nam	CON		ĐÀ NẴNG			16.04.88	
	NGUYỄN - ĐĂNG KHÔI	TRUNG SĨ	54/202529	CHA		MẬT MÃ TRUYỀN TIN	KBC 3749	01 năm		
59	NGUYỄN NGỌC GIÀU	1961	Nam	CON					16.04.88	
	NGUYỄN - VĂN - TY	TR.SĨ	107 945	CHA		ĐỊA PHƯƠNG QUÂN	ĐĐ 463/BCH/ĐPQ BIÊN HÒA			TỬ THƯƠNG
60	LÂM - ĐÌNH - XUYÊN	1962	Nam	CON					16.04.88	
	LÂM - XÍA	TR.SĨ I		CHA		TK [illegible] TRƯỞNG	ĐĐ [illegible]3/ĐPQ TK KIÊN GIANG			TỬ TRẬN
61	NGUYỄN TUẤN - ANH	20.10.75	Nam	CON					16.04.88	
	NGUYỄN - VĂN - LỘC	TR.SĨ		CHA		TRƯỞNG PHÁO	HẢI QUÂN CÔNG XƯỞNG	03 năm		
62	NGUYỄN - TY	01.12.75	Nam	CON					16.04.88	
	NGUYỄN - THÌ	TR.SĨ I		CHA		HSQ TRUYỀN TIN	TIỂU ĐOÀN 610 KBC 3480	01 tháng		
63	NGUYỄN - A	1963	Nam	CON		THỪA THIÊN			16.04.88	
	NGUYỄN - CHÍNH			CHA	06.11.66	HSQ/ĐPQ	ĐƠN VỊ I QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG	03 tháng		
64	NGUYỄN - NGỌC - LONG	1981	Nam	CON					16.04.88	
65	NGUYỄN THỊ [illegible]	1980	Nữ	CON					16.04.88	
	NGUYỄN - THẮNG	HẠ SĨ		CHA		CHUYÊN VIÊN KQ				
66	TỐNG - ĐÌNH - CƯỜNG	08.04.73	Nam	CON					16.03.88	
	TỐNG - PHÚ - [illegible]	TR.UÝ	62/149621	CHA		TÌNH BÁO	CHÍNH HUẤN 3 BẾN BẠCH ĐẰNG	1 năm		
67	NGUYỄN THỊ THU VÂN	1972	Nữ	CON		SÀI GÒN			26.03.88	
68	NGUYỄN - THANH LÂM	1973	Nam	CON		"			"	
	NGUYỄN - VĂN - ĐO	HẠ SĨ	60/137365	CHA			T.ĐOÀN CÔNG VỤ THỦ ĐỨC	7 NĂM		
69	NGUYỄN THỊ DIỆU HƯƠNG	05.11.65	Nữ	CON					16.04.88	
	NGUYỄN VIẾT HUY	TR.SĨ I	55A/107391	CHA			T.ĐOÀN 403 CÔNG BINH KT	1 NĂM		
70	BÙI - PHI - HỔ	20.04.64	Nam	CON					16.04.88	
	BÙI - VĂN - QUYẾCH	TR.SĨ I		CHA		THƯỜNG VỤ	TR.TÂM HTTV/ SADEC	1 NĂM		
71	LÊ - HÙNG - NGỌC	18.01.55	Nam	CON					01.04.88	
	LÊ - ĐĂNG - DOANH	TR/UÝ		CHA		TR. BAN VĂN THƯ	LĐ AN NINH BIỆT KHU TĐ	5 NĂM 4 TH		
72	PHẠM THỊ - DUNG	16.06.55	Nữ	CON					01.04.88	
	PHẠM VĂN - BIỂN	TR.SĨ I	20/067221	CHA			ĐĐ 3/361 ĐPQ	7 NGÀY		
73	LÊ VĂN - ĐOÀN	1956	Nam	CON					16.04.88	
74	LÊ VĂN - TOẢN	1963	Nam	CON					"	
75	LÊ THỊ HOA	1974	Nữ	CON					"	
	LÊ VĂN - THÔNG	TR.SĨ I		CHA		B. HỒ SƠ TỬ TUẤT	TR.TÂM HTTV LONG AN	03 THÁNG		

76	NGUYỄN - MINH - TUẤN	16-01-64	NAM	CON		SÀIGÒN			26-03-88	
	NGUYỄN - VĂN - LUÂN	TR. SĨ		CHA			THỦ ĐỨC	1 NĂM		
77	NGUYỄN - QUỐC - TUẤN	09-11-67	NAM	CON					26-03-88	
	NGUYỄN - VĂN - KHẮC		59/160701	CHA			TK TAM BÁN LỄ SÀIGON	1 NĂM		
78	NGUYỄN - QUỐC KHANH	24-06-70	NAM	CON					01-04-88	
	NGUYỄN - VĂN - KHẢI	HA SĨ I	47/430566	CHA			ĐĐ162 ĐPQ KIÊN GIANG			
79	PHẠM - VĂN - HIỀN	12-03-64	NAM	CON		GIA ĐỊNH			01-04-88	
80	PHẠM - THỊ - VINH	04-04-60	NỮ	CON		— " —			— " —	
	PHẠM - VĂN - BÌNH		28/067221	CHA						
81	NGUYỄN NGỌC - LONG	24-06-81	NAM	CON		ĐỒNG NAI			16-04-88	
82	NGUYỄN - THỊ - THỦY HƯỜNG	28-04-84	NỮ	CON		— " —			16-04-88	
	NGUYỄN - THẮNG	HA SĨ I		CHA		CHUYÊN VIÊN KQ				
83	NGUYỄN THỊ HỒNG THỦY	19-11-66	NỮ			THỪA THIÊN			16-04-88	
	NGUYỄN - LẠC	CSQG				CSQG				TT. 1968
84	TRẦN - THANH - DŨNG	10-08-69	NAM	CON		KIÊN - GIANG			01-04-88	
	TRẦN - VĂN - ÚT	N. QUÂN	803401	CHA				1 THÁNG		
85	NGUYỄN - TY	01-12-73	NAM	CON		THỪA - THIÊN			16-04-88	
	NGUYỄN - THI	TR. SĨ I	72/207616	CHA		HSQ TRUYỀN TIN	TR TÂM KTTT ĐĐ 1 BC 3480	3 THÁNG		
86	PHẠM - VIỆT - CƯỜNG	12-11-64	NAM	CON		SÀIGÒN				
	PHẠM - ĐỨC - THỊNH		60/005082	CHA			TR. ĐOÀN 8 SĐ 5BB			TỬ TRẬN
87	VŨ - NGỌC - CHÂN	14-01-60	NAM	CON		SÀIGÒN			16-04-88	
	VŨ - ĐÌNH - CHUYỀN			CHA			XÃ AN - NHƠN			
88	NGUYỄN - VĂN - ĐỖ	1973	NAM	CON					16-04-88	
	NGUYỄN - VĂN - CỦA	[illegible]	819361	CHA		PHÓ TR. ẤP	TÂN THẠNH	2 THÁNG		
89	TRẦN THỊ BÍCH PHƯỢNG	13-[illegible]-60	NỮ	CON					16-[illegible]	
	TRẦN - VĂN - MINH	TR - TÁ	55/300055	CHA		PHÓ CHỈ HUY	CSQG QUẬN III SAIGÒN			
90	NGUYỄN - THỊ - MỸ LỆ	12-12-67	NỮ	CON		KIÊN GIANG			01-04-88	
	NGUYỄN - VĂN - ĐỒNG			CHA			SQ ĐỊA PHƯƠNG QUÂN KG			TT [illegible]
91	NGUYỄN - VĂN - ĐÔNG	29-03-64	NAM	CON		KIÊN GIANG				
	NGUYỄN - VĂN - LÂM	H S I	36/089374	CHA		Long - Khánh	TK KIÊN GIANG	7 NGÀY		GIẢI NGŨ [illegible]
92	TRẦN - THIỆN - KHANH	17-03-69	nam	CON					26-09-88	74
	TRẦN - THIỆN - KÍNH	TR - TÁ	58A/700044	CHA	15-7-1957	LỰC LƯỢNG ĐẶC NHIỆM	5Đ 18 BB	không		HIỆN Ở USA
93	NGÔ VĂN - DANH	10-04-54	NAM						01-04-88	
	HUỲNH - THỊ - NHÀNH	C C				CÔNG CHỨC	HÀNG KHÔNG VIỆT NAM	1 tháng		

94 NGUYỄN - THỊ - CHÚC NGUYỄN - LƯƠNG - ĐỨC	19-08-57 Thượng sĩ I	NỮ KHÔNG ẢNH	CON CHA		TÂY NINH	TÂN SƠN NHẤT CP. AN NINH	10 NGÀY	[illegible]-04-88	
95 NGUYỄN - HIẾU - HỌC VÕ - VĂN - HIẾU	31-10-73 Thiếu úy	NAM 63976 (63467)	CON CHA	~~1970~~ 1964	SAIGON Trưởng Cuộc	Bộ Chỉ huy An ninh Bình Định ~~ĐỨC TU BIÊN HÒA~~	1 năm	01-04-88 cha mẹ đều csqg	
96 NGUYỄN - TRẦN - HÀ NGUYỄN - VĂN - THŨ	1976 TR. SĨ I	NAM	CON CHA		LAM ĐỒNG	PHÒNG I SĐ 5 BB	10 NGÀY		
97 TRẦN - THỊ - XUÂN TRẦN - VĂN - MINH	09-11-69	NỮ	CON CHA		ĐỒNG NAI			01-04-[illegible]	CHA MẸ CHẾT
98 ĐINH - QUỐC - HÙNG ĐINH - VIẾT - QUỲNH	1973	NAM	CON CHA		LIÊN GIANG THỦY THỦ	THỦY THỦ HẢI QUÂN	3 THÁNG	01-04-88	
99 HUỲNH - THANH - VÂN HUỲNH - PHẤN - KHỞI	13-06-70 ĐẠI ÚY	NAM	CON CHA		CHÂU ĐỐC TRƯỞNG PHÒNG	TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP	06 NĂM	26-03-88	
100 NGUYỄN - VĂN - LỢI NGUYỄN - VĂN - QUÝ	1971 THIẾU ÚY	NAM	CON CHA		SAIGON QUÂN CẢNH	T. ĐOÀN 5 QUÂN CẢNH	06 NĂM 6 TH	26-03-88	
101 LÝ - THANH - TÂM	08-06-65	NAM	CON CHA		THỦ ĐỨC			01-04-88	CHA CHẾT
102 PHAN NGUYÊN ANH PHAN - KIM - PHẤN	06-02-71 ĐẠI ÚY	NAM 61/110 040	CON CHA		SAIGON BÁC SĨ QUÂN Y	QUÂN Y VIỆN CỘNG HÒA	1 NĂM 2 TH	16-04-88	
103 NGUYỄN THỊ KHÁNH LOAN NGUYỄN - VĂN - THỨC	25-09-78 TR. SĨ I	NỮ	CON CHA		SAIGON HSQ QUÂN SỐ	T. ĐOÀN YỂM TRỢ SĐND	03 NGÀY	16-04-88	
104 NGUYỄN THỊ THANH NGUYỄN - VĂN - TRINH	10-11-73 TR. SĨ I	NAM	CON CHA		SAIGON HSQ TIẾP LIỆU	HSQ TIẾP LIỆU T. ĐOÀN	03 NGÀY	16-04-88	
105 LÊ - MINH - ĐỨC LÊ - VĂN - LỘC	20-01-71	NAM	CON CHA		SAIGON CV VIÊN S. CHỮA	SỬA CHỮA ĐỘNG CƠ M. BAY	03 NGÀY	16-04-88	
106 TRẦN THỊ KIM PHỤNG TRẦN - VĂN - TỬ	21-11-[illegible]	NỮ	CON CHA		AN XUYÊN CHỦ SỰ PHÒNG	TỈNH CHÁNH AN XUYÊN	03 NGÀY	16-04-88	
107 NGUYỄN - THỊ - CÚC NGUYỄN - VĂN - NGOAN	25-12-62 BI	NỮ	CON CHA		SA ĐÉC	CC 80 TR. ĐỘNG CƠ CƠ KHÍ	02 NĂM	01-04-88	
108 LƯƠNG THỊ THU CÚC LƯƠNG - VĂN - ĐẬU	10-06-64 TR. ÚY	NỮ	CON CHA		AN XUYÊN TR. CUỘC CS	CUỘC CSQG CÀ MAU	07 NĂM	16-04-88	
109 NGUYỄN - NGỌC - CƯ NGUYỄN - BỀN	08-[illegible]-58 TR. TÁ	NAM	CON CHA	02-02-41	THỪA THIÊN TR. PHÒNG 2	TK. QUẢNG TÍN	02 THÁNG	26-03-88	
110 LÊ - QUANG - CẢNH LÊ - QUANG - VIÊN	04-12-71 TR. TÁ	NAM 42/202421	CON CHA		PHÒNG TT	TỔNG KHO QUÂN VẬN ĐÀ NẴNG	3 NĂM	26-03-88	

110 VŨ-ĐÌNH [illegible]	1976	NAM	CON		SAIGON			[illegible]	
[illegible] VŨ-ĐÌNH CỔ	[illegible]		CHA				03 THÁNG		
112 VÕ-NGỌC-TUẤN	09.11.70	NAM	CON		SÀI-GÒN			16.02.88	
113 VÕ-THỊ-NGỌC-KHANH	30-01-71	NỮ	CON				05 NĂM	— " —	
VÕ-VĂN-BÌNH	ĐẠI-ÚY		CHA						
114 ĐINH-VĂN-DŨNG	1975	NAM	CON		KIÊN GIANG			16.04.88	
115 ĐINH-PHÚ-CƯỜNG	1979	NAM	CON		— " —			— " —	
ĐINH VĂN-HẢI	TR.SĨ		CHA		T.ĐỘI TR	BIỆT-ĐỘNG QUÂN	02 THÁNG		GIẢI NGŨ 1970
116 TRẦN THỊ BÍCH OANH	07.9.72	NỮ	CON		ĐẮC LẮC			16.07.88	
117 TRẦN THỊ-BÍCH THUỶ	29-12-73	NỮ	CON		— " —			— " —	
TRẦN-NHƯ-PHONG	TR.TÁ		CHA		TK.PHÓ	TK PHÓ TUYÊN-ĐỨC	04 NĂM 10TH		
118 THÂN-VĂN-HOÀNG	1959	NAM	CON		KIÊN-GIANG			16.04.88	
119 THÂN-VĂN-THANH	1962	NAM	CON		— " —			— " —	
THÂN-VĂN CANH	HẠ SĨ		CHA		T-ĐỘI-PHÓ	ĐĐ 167-ĐPQ KIÊNTÂN			[illegible] 1970
120 TRẦN-THANH-DUNG		NAM	CON		KIÊN-GIANG			01.04.88	
121 TRẦN THỊ THUỶ		NỮ	CON		— " —			01.04.88	
TRẦN-VĂN-[illegible]		803410	CHA						
122 NGUYỄN TRẦN DIỄM TRÍ	08.02-80	NAM	CON		KIÊN-GIANG			16.04.88	
123 NGUYỄN-THẾ-THIỆU	25.03.82	NAM	CON		— " —			16.04.88	
NGUYỄN-THẾ-TUYỀN	TH/ÚY		CHA		TRỢ-Y	B.VIỆN 210 CẦN THƠ			
124 ĐỖ-VIỆT-THANH	19.05.73	NAM	CON		GIA-ĐỊNH			01.04.88	
125 ĐỖ-THỊ-KIM THOA	16.11.67	NỮ	CON		SÀIGÒN			01.04.88	
126 ĐỖ-VINH-RƯ	18.01.68	NAM	CON		— " —			01-04.88	
ĐỖ-VĂN-TUẤT	HẠ SĨ I	58/158178	CHA		THỦ KHO	TỔNG KHO LONG BÌNH	01 THÁNG		
127 VƯƠNG THỊ THANH LOAN	10-04-71	NỮ	CON		PHONG-DINH			16.04.88	
128 VƯƠNG THỊ THANH NGUYỆT	08.08.74	NỮ	CON		— " —			16.04.88	
129 VƯƠNG THỊ THANH TÂM	16.02-79	NỮ	CON		— " —			16.04.88	
VƯƠNG-TẤN-TIẾN	CSDC		CHA		CSDC CHIẾN	CSDC CẦN THƠ	07 THÁNG		
130 NGUYỄN-HỮU-CHÍNH		NAM	CON		KIÊN-GIANG			01-04.88	
131 NGUYỄN-TRƯỜNG AN		NAM	CON		— " —			01.04.88	
NGUYỄN-VĂN-TỊNH			CHA						
132 VŨ-THỊ-KIM PHƯỢNG	05.07.65	NỮ	CON		SÀIGÒN				
133 VŨ VIẾT-THANH	05.08-70	NAM	CON		— " —				
VŨ-THU	HẠ SĨ I		CHA				[illegible] THÁNG		

136	NGUYỄN THỊ KIM THỦY	06.10-62	NỮ	CON		GIA-ĐỊNH			16.03.88	
	NGUYỄN HỮU QUYẾT	TR. SĨ	54/206038	CHA	1963	HSQ QUÂN Y	TR. TÂM H.L QUANG TR.	03 NGÀY		
137	PHẠM THỊ KIM LOAN	06.05.69	NỮ	CON		SAIGON			16.03.88	
	PHẠM VĂN BIÊN	TR. SĨ	92217	CHA	23.10.64	CSQG	TY CSQG	08 NGÀY		
138	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	1967	NỮ	CON		KIÊN GIANG			[illegible]	
	NGUYỄN VĂN SỬU			CHA			CHI KHU KIÊN TÂN K.GIANG			TỬ TRẬN 1960
139	NGUYỄN XUÂN MINH	1967	NAM	CON		GIA ĐỊNH			[illegible]	
	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	HẠ SĨ		CHA			T.ĐOÀN B. SƯ DŨ	03 THÁNG		
140	LÊ THỊ YẾN HƯƠNG	28-06-67	NỮ	CON		SAIGON			[illegible]	
	LÊ MINH TẬP	TR. ÚY	60/100621	CHA		PHÁI CK TRƯỞNG	HỒNG NGỰ KIẾN PHONG	03 NĂM		
141	TRỊNH VĂN MINH	1970	NAM	CON		HẬU GIANG			01.04.88	
	TRỊNH VĂN KHƯỚC		52/103262	CHA				01 NĂM		
142	NGUYỄN BÁ VINH LINH	13.10.71	NAM	CON		[illegible] TÂN			26.03.88	
	NGUYỄN VĂN LINH			CHA			MACCORDS ADVISORY TEAM	1 THÁNG		
143	TRƯƠNG VĂN LINH	01-01-53	NAM	CON		QUẢNG TRỊ			26.03.88	
	TRƯƠNG VĂN LƯƠNG	TR. TÁ	51/219301	CHA		TR. HOÀN TRIỂN TR.	BỘ TỔNG THAM MƯU	9 NĂM 9TH		
144	ĐINH DUY LINH	27.12.76	NAM	CON		SAIGON			16.03.88	
145	ĐINH QUỐC TUẤN	27.01.78	NAM	CON		— " —			— " —	
146	ĐINH CÔNG HIẾU	23.11.82	NAM	CON		— " —			— " —	
	ĐINH NGỌC LỄ	CHỦ TỊCH XÃ		CHA		CHỦ TỊCH XÃ	XÃ CÁI MƠN MỎ CÀY	10 NGÀY		
147	ĐINH NHƯ THÀNH	30.10.60	NAM	CON		THỪA THIÊN			26.03.88	
	ĐINH ÁNH	TH. SĨ I	56/104262	CHA		TR. BAN TƯ TUẤT	ĐB Tài chính T.ĐOÀN YT. SƯ NHẢY DÙ	03 NGÀY		
148	ĐINH PHÚC THỊNH	23.06-67	NAM	CON		B. MÊ THUỘT			[illegible]	
	ĐINH KHOA	TR. SĨ I	101566	CHA	2.3.1965	CSQG	CẢNH SÁT QG	03 NGÀY		
149	TRẦN THỊ MAI PHƯỢNG		NỮ	CON		SAIGON			26.03.88	
	TRẦN XUÂN PHÚ	TR. SĨ I	65A/145101	CHA			LĐ 65 KHAI THÁC ĐĐ	03 NGÀY		
150	CHÂU NGỌC BÍCH	01-12-57	NAM	CON		SAIGON			26.03.88	
	CHÂU NGHĨA	TR. TÁ	47/100091	CHA	1948	TR. PHÒNG	TR. PHÒNG ANQĐ QĐOÀN III	CÒN CẢI TẠO		
151	NGUYỄN KIM KHANH	03-04-58	NAM	CON					16.03.88	
	NGUYỄN TIẾN ĐỆ			CHA	1964	TR. CHI CHIÊU HỒI	TTHL CHIÊU HỒI THỦ ĐỨC	05 NĂM		

152	[illegible] YẾN THỊ [illegible] Ý NGUYỄN - XUÂN - [illegible]	[illegible] THAM SỰ TH	NỮ	[illegible] CHA		[illegible] THU QUỸ TY HỎA XA	SỞ HỎA XA VIỆT NAM		16.04.88	
153	NGUYỄN VĂN - PHỤC NGUYỄN - VĂN - [illegible]	1941 B II	NAM	CON CHA		KIÊN PHONG	T.ĐOÀN [illegible] [illegible] ĐỘNG QUÂN		26.03.88	CẢI TẠO MẤT TÍCH
154	NGUYỄN - TRÍ CẢNH NGUYỄN - RỰA	01.01.65 N. QUÂN	NAM	CON CHA	1967	ĐÀ NẴNG N. QUÂN	CK HÒA VANG ĐÀ NẴNG	07 NGÀY	16.04.88	
155	TRỊNH THỊ SỸ TRỊNH - VĂN - CHẤN	1962 B II	NỮ KHÔNG NHỚ	CON CHA		KIÊN GIANG KHINH BINH	CK TÂN HIỆP KIÊN GIANG		16.04.88	CHẾT
156	ĐINH VIẾT - TOÀN ĐINH - VIẾT - THOAN	1959 TR - SĨ	NAM KHÔNG NHỚ	CON CHA		HSQ TIẾP LIỆU	T.ĐOÀN 350 ĐPQ KG	06 THÁNG	16.04.88	
157	LÊ - PHÚ - QUÝ	25-06-56	NAM	CON					01.04.88	
158	LÊ - QUANG - CHUNG	03-06-53	NAM	CON					01.04.88	
159	LÊ - HOÀNG - BÁ LÊ - QUANG - LẠC	29.10.67 TR SĨ I	NAM KHÔNG NHỚ	CON CHA		CSQG	TY CSQG TÂY NINH	1 NĂM	01.04.88	
160	LÂM THẾ - ĐỨC LÂM - QUỐC - THỤY	02.01.75 TR - ÚY	NAM 63/[illegible]	CON CHA		VĨNH LONG SQ TRUYỀN TIN	T.ĐOÀN 466 ĐPQ V.LONG	05 NĂM	26.04.[illegible]	
161	ĐINH QUANG KHÔI ĐINH - VĂN - ĐẶNG	23.12.59 ĐẠI ÚY	NAM KHÔNG NHỚ	CON CHA		SAIGON ĐA TRÁCH HDIV	TIỂU KHU GIA ĐỊNH		[illegible]	[illegible]
162	LÊ THỊ TUYỀN LÊ VĂN NINH	15.8.1959 THIẾU TÁ	NỮ 50/142737	CON CHA		Saigon CS CHỈ HUY	TRƯỞNG Q. PHƯỚC NINH	10 n 3 tháng	19.5.88	IV # 220595 VEWL # [illegible]
163.	BẠCH THỊ [illegible] BẠCH THƯỜNG	[illegible] TH / SĨ	NỮ	CON		HUẾ			14.5.88	
164.	Nguyễn [illegible] Trâm Nguyễn Bá [illegible]	1959 Đại úy	NAM	CON CHA		Saigon	LỮ ĐOÀN 9 DÙ		14.5.88	
165.	Nguyễn Bá [illegible] Nguyễn Bá [illegible]	1961 Đại úy	NAM	CON CHA		Saigon	LỮ ĐOÀN 9 DÙ		14.5.88	
166 -	TRẦN VĂN - THÀNH TRẦN - VĂN - LAI	1963 ĐỘI VIÊN NQ	NAM KHÔNG NHỚ	CON CHA	KHÔNG NHỚ	LÂM ĐỒNG NHÂN VIÊN B4	CHI KHU DI LINH LÂM ĐỒNG	KHÔNG NHỚ	19.5.88	
167	TRẦN NGỌC BẢO NGUYÊN TRẦN - NGỌC - GIAO	1972 ĐẠI ÚY	NỮ KHÔNG NHỚ	CON CHA	KHÔNG NHỚ	LÂM ĐỒNG TRƯỞNG B2	CHI KHU BẢO LỘC LÂM ĐỒNG	6 NĂM	28.5.88	

18	VÕ . NGỌC . MÂN	1967	Nam	CON		SAIGÒN			16.03.88	1MS
	VÕ . VĂN . BÌNH	Đại úy	42/1512/6	CHA			T. ĐOÀN PHÓ [illegible]	08 năm		
18	NGUYỄN . NHẬT NAM	25.06.72	Nam	CON		BIÊN HÒA	TK. [illegible]		16.03.88	
	NGUYỄN . VĂN . SÁU	TR. úy	61/128959	CHA				05 năm		
19	TRẦN . THỊ . LAN HƯỜNG	08.09.66	Nữ	CON		SÀI GÒN			16.03.88	
	TRẦN . DIỆT	[illegible]		CHA				03 ngày		GIẢI NGŨ
20	VŨ . MẠNH . DŨNG	24.02.56	Nữ	CON		SÀI GÒN			16.03.88	
	VŨ . VĂN . LIỄU			CHA	1961		TR. ĐẠI HỌC Y KHOA S.GÒN	07 ngày		
21	TRẦN . THỊ THANH THỦY	1961	43/301780 Nữ	CON					16.03.88	
	TRẦN . VĂN . THANH	TR . TÁ		CHA		TR. KHỐI CTCT	CỤC CTCT ĐÀ LẠT	05 năm		
22	LÊ . THANH . TÙNG	1967	Nam	CON		ĐỒNG NAI			16.03.88	
	LÊ . VĂN . HỖ	TR. SĨ	64/600270	CHA			SĐ II KHÔNG QUÂN			
23	PHẠM THẾ . TÙNG	15-02-59	Nam	CON		SÀI GÒN			16.03.88	1M8
	PHẠM . THẾ . HÙNG	Đại úy	52/125100	CHA	05-10-51	P. TRƯỞNG CHU KA	CH. SỰ VỤ SỞ KIỂM MÃ	05 tháng		
24	THÁI . BÁ . HÙNG	13.04.75	Nữ	CON		SÀI GÒN			16.03.88	
	THÁI . BÁ . THANH			CHA						
25	LÊ . THỊ LỆ . CHI	30-07-61	Nữ	CON		QUẢN . TRỊ			16.03.88	
	LÊ . MẬU . HOẠT	TR. TÁ		CHA		THAM MƯU PHÓ	SĐ I KHÔNG QUÂN	13 năm		
25	VŨ . THỊ . NGUYỆT NGA	11.09.68	Nữ	CON		SÀI GÒN			16.03.88	
27	VŨ . NGUYỆT . HƯỜNG	09.01.70	Nữ	CON		— " —			16.03.88	
	VŨ . VĂN . NHO	HẠ SĨ I		CHA		CHUYÊN VIÊN	ĐĐ 3 THIẾT TRÍ CAO	03 ngày		
28	NGUYỄN THỊ MỘNG ĐIỆP	20.03.69	Nữ	CON		ĐÀ LẠT			16.03.88	
	NGUYỄN . VĂN . QUẢNG			CHA		CẢNH SÁT VIÊN	TỈNH LÂM ĐỒNG	02 năm		
29	NGUYỄN . THỊ . ÁI . SA	16.08.72	Nữ	CON		NGHĨA . BÌNH			16.03.88	
	NGUYỄN . ÁI			CHA		CẢNH . SÁT				
30	VŨ . VIỆT . VĂN		Nam	CON					26.03.88	
31	VŨ . THỊ KIM . NGUYỆT		Nữ	CON					— " —	
	VŨ . VIỆT . GIANG	TR. SĨ		CHA		HẢI QUÂN	HẢI . QUÂN SÀIGÒN			
32	MAI . MINH . TUẤT	07.05.58	Nam	CON					16.03.88	
	MAI . PHÚC . HÙNG			CHA		NHÀ VIỄN THÔNG	BỘ NỘI VỤ			
33	NGUYỄN . ĐỊNH	10.02.73	Nam	CON					16.03.88	
	NGUYỄN . HUỆ	Thiếu úy		CHA			THỦY QUÂN LỤC CHIẾN			
34	NG. HỮU . BÌNH . MINH		Nam	CON					16.03.88	
	NGUYỄN . HỮU . ÂN	TRUNG úy	61/110981	CHA						
35	TĂNG . THỊ ANH THƯ		Nữ	CON					16.03.88	
	TĂNG . XUÂN . THU			CHA						

Danh Sách Cựu Quân Nhân QLVNCH Vượt Biên Đường Biển Đang Tỵ Nạn Tại Trại Ban Thad - Thailand.

Số Thứ Tự	Họ và Tên		Ngày Sinh	Ngày nhập ngũ	Số Quân	Cấp Bậc	Chức Vụ	Cơ Quan hay Đơn Vị Cuối Cùng	Ngày Đến Thailand	Site 2	Thời gian Cải Tạo	Ghi Chú
01	NGUYỄN KIM	ĐIỀN	01.10.1933	01.10.1953	53/300267	TRUNG TÁ	THANH TRA	BTL - CSQG		7-5-1988	12^{n} 3^{th}	
02	NGÔ VĂN	THỈ	04.02.1946	26.10.1964	66/200664	THIẾU TÁ	PHÓ PHÒNG	P2 - TK - BÌNH DƯƠNG		"	12^{n} 3^{th}	IV# 204160 - GRT 112/10.09.87.
03	VÕ ĐÔN	LUÂN	15.05.1946	02.10.1965	66/601114	ĐẠI ÚY	PHI CÔNG L19	PĐ.116 - SĐ4 KQ		"	12^{n} 2^{th}	
04	NGUYỄN	HÀM	01.03.1926	11.12.1950	46/201105	TRUNG TÁ	SQ - ĐIỀU TRA	CỤC AN NINH QUÂN ĐỘI	15.01.88	26-3-88	9^{n} 7^{th}	IV# 222 434 - GRT 272/18.01.85
05	NGUYỄN	KHA	25.11.1938	25.11.1958	58/100957	TRUNG TÁ	TRƯỞNG PHÒNG	P. HÀNH QUÂN - BỘ QP	16.1.1988	"	10^{n}	BT.000521
06	VŨ VĂN	Ô	20.10.1947	25.11.19[68]	67/602160	ĐẠI ÚY	PHI ĐỘI PHÓ	PHI ĐỘI 257/KĐ51/SĐ1 KQ	16.1.1988	"	9^{n} 7^{th}	
07	NGUYỄN ĐÌNH	HOÀNG	04.04.1944	.1964	64/601922	"	SQ.CTCT/SĐ1 KQ	PĐ 120 / SĐ1 KQ		16.3.88	7^{n}	IV053730
08	LÊ VĂN	THUẬN	19.10.1944	07.09.1967	64/168820	"	ĐẠI ĐỘI TRƯỞNG	TĐ22 CĐ		26.3.88	1^{n}	Bị bắt trước 1975
09	ĐẶNG NGỌC	LỄ	09.08.1941	03.04.1962	61/203154	"	SQ.TT	TRĐ54 / SĐ1 BB		16.4.88	2^{n} 2^{th}	
10	PHAN BÁ	DƯƠNG	26.09.1937	.06.1963	57/138870	"	BP. GIÁO CHỨC	TR. TRUNG HỌC GIA ĐỊNH		26.3.88	5^{n}	
11	THẠCH	THƯỜNG	01.04.1941		61/158078 (ARVN) 67871 (FANK)	ĐẠI TÁ	TRĐ TRƯỞNG	TRĐ45/SĐ7 CH KH'MER			12^{n} 8^{th}	
12	TRẦN KHÁNH	TRÌNH	17.09.1958	01.10.1965	58/120313	TRUNG ÚY		TRUNG TÂM QTV/TW		16.3.88	2^{n} 6^{th}	
13	NGUYỄN HUY	MẠNH	14.08.1948	17.02.1968	68/144443	"		BCH / CSQG Q4 SÀI GÒN		16.03.88	6^{n}	
14	LÊ TẤN	PHƯỚC	1951	01.1970	71/408659	"	PHÂN CK PHÓ	CK VĨNH PHƯỚC - KIẾN HÒA		"	9^{n}	
15	LÊ VĂN	KHOÊ	03.12.1940	16.01.1962	60/101575	"	ĐẠI ĐỘI TRƯỞNG	TĐ 378 ĐPQ		26-3-88	8^{n} 10^{th}	
16	HỒ ĐẮC	Ý	20.02.1954	16-10-1972	74/2[85]495	THIẾU ÚY	PHÁT NGÂN VIÊN	TTYTTV QUẢNG NAM		"	2^{n} 4^{th}	
17	NGUYỄN TRỌNG	QUÝ	10.08.1950	19.10.1970	70/141355	"	PHÂN CK TRẺ	MỸ HIỆP - AN GIANG		"	5^{n} 3^{th}	
18	ĐINH GIA	THỤY	24.06.1949	20.04.1972	69/514750	"		BAN LIÊN HỢP 2 BÊN KV7		01.04.88	2^{n} 6^{th}	
19	NGUYỄN TĂNG	CƯỜNG	01.06.1953	14.10.1972	73/152577	CHUẨN ÚY	PHỤ TÁ BAN 3	BAN CH. TK QUẢNG TRỊ		17.03.88	5^{n} 6^{th}	
20	PHẠM QUỐC	TUÝ	22.09.1953	10.1973	73/160236	"	TRUNG ĐỘI TRẺ	TĐ 327 ĐPQ		15.03.88	3 ngày	
21	MAI VĂN	THUYÊN	10.06.1953		73/147058	"	SVSQ. BĐ	TRƯỜNG BĐ LONG THÀNH		15.03.88	1^{n} 6^{th}	
22	CAO ĐÌNH	TẠO	01.01.1951	12.1973	71/212729	"	TRĐỘI TRƯỞNG	ĐĐ4/226 TS CHÂU ĐỐC		25.03.88	3 ngày	
23	TRẦN VĂN	VIỆT	21.09.1949	20.04.1972	69/601250	"		SĐ5 KHÔNG QUÂN		01.04.88	3 ngày	
24	ĐẶNG ĐÌNH	NAM	10.10.1950	09.03.1970	70/408186	TRUNG SĨ I	VIỄN ẤN TỰ	TRUNG ĐỘI GAO KTTTĐB		16.03.88	45 ngày	
25	ĐINH VĂN	MAI	18.06.1950	22.12.1958	70/125222	"	HSQ AN NINH	K.CTCT/BCH/TK.K GIANG		"	3 ngày	
26	ĐỖ VĂN	TỪ	10.05.1925	01.08.1953	45/301271	"		TRƯỜNG SINH NGỮ QĐ		25.03.88	3 ngày	GRT 3960/12.7.1985

27	CHUNG HỌC ĐỨC	12-01-1955	17-05-1969	71/602290	TRUNG SĨ		SƯ ĐOÀN 5 KHÔNG QUÂN		16-03-1988	3 NGÀY	
28	PHẠM HUY KHIÊM	02-01-1948	1968	68/140582	"	TRUNG ĐỘI PHÓ	TĐ3 ND		16-03-1988	3 NGÀY	
29	NGUYỄN VĂN ĐỨC	18-09-1945	02-02-1965	65/131233	"	TRUNG ĐỘI TRƯỞNG	TĐ4 / SĐ9 BB "		"	1 NĂM	
30	MAI THANH HẢI	27-10-1952	15-10-1970	72/605781	"	TRƯỞNG PHÒNG PMELL	XƯỞNG VÔ TUYẾN PHI CƠ		"	3 NGÀY	
31	NGUYỄN VĂN SÂM	15-11-1946	20-08-1964	64/700744	"	HSQ CHUYỂN VẬN	GIANG ĐOÀN 52 TUẦN THÁM		01-04-1988	"	
32	LÊ THANH LONG	25-11-1944	10-08-1962	61/107190	"	BIỆT PHÁI	PHÓ TY XÃ HỘI QUẢNG NAM		16-03-1988	2 NĂM 8 THÁNG	
33	NGUYỄN VĂN ANH	1949	01-1969	69/135600	"				"		
34	NGUYỄN THÁI ĐỘ	03-11-1955	07-1974	76/180118	"	TIỂU ĐỘI TRƯỞNG	TĐ510 ĐPQ ĐỊNH TƯỜNG		"	7 NGÀY	
35	TRẦN VĂN NGHĨA	12-02-1949	04-1968	69/128515	HẠ SĨ I	TÀI XẾ	ĐĐVT / SĐTQLC			3 NGÀY	
36	LƯƠNG THỌ BỐI	10-02-1938	26-06-1966	58/183087	"		GIANG ĐOÀN 306 QUÂN VẬN		"	7 NGÀY	
37	LÊ HÀ THANH	1945	10-12-1968	45/557225	HẠ SĨ	HSQ - QUÂN SỐ	TĐH7H ĐPQ - TK. KIÊN GIANG		"	3 THÁNG	
38	NGUYỄN VĂN HOÀNG	04-05-1950	05-1973	70/157608	"		LĐ3 - SĐND		26-03-1988	3 THÁNG	
39	HÀ ĐĂNG BÁN	15-09-1954	09-12-1972	54/738450	"	TIỂU ĐỘI PHÓ	TĐ529 ĐPQ / TK. KIÊN GIANG		16-03-1988	3 THÁNG	
40	LỤC VĂN THANH	01-08-1952	30-09-1969	72/701268	"	CV KHO VŨ KHÍ	HẢI QUÂN CÔNG XƯỞNG KBC3352		16-03-1988	3 NGÀY	
41	NGUYỄN VĂN TÂN	22-02-1955	30-12-1972	75/606968	"	THƯ KÝ QTNV	P.TQT / BT2 - KQ		26-03-1988	"	
42	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	20-05-1954	01-1974			THỢ MÁY	LỤC QUÂN CÔNG XƯỞNG		26-03-1988	3 NGÀY	
43	LÊ VĂN PHƯỚC HÙNG	01-06-1956	22-04-1974	56/267350	BINH I		ĐĐ2 / TĐ334 ĐPQ LONG AN		17-03-1988	3 THÁNG	
44	NGÔ VĂN TỎ	18-06-1956	09-08-1973	76/128102	"		TĐH / LĐ468 - SĐTQLC		17-03-1988	16 NGÀY	
45	ĐIỂU VĂN CHẢY	14-07-1949	16-04-1968	69/001283	"		TĐH / TRĐ16 / SĐ9 BB		16-04-1988	5 NGÀY	
46	TRẦN QUỐC ĐỊNH	01-02-1958	12-04-1975		"		TĐ 250 PB / SĐ25 BB		16-04-88	3 NGÀY	
47	TRẦN ANH TUẤN	05-04-1954	18-09-1972	74/603010	BINH II	C.V HẦM LẠNH	ĐOÀN KT / BCH - KTTV. KQ		26-03-1988	07 NGÀY	
48	HUỲNH HỮU ĐÔ	01-03-1957	01-02-1975	002844	"	KHÓA SINH	TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN QT		26-03-1988	40 NGÀY	
49	NGUYỄN HỮU SƠN	24-11-1954	01-01-1975	74/167228	"	[illegible]	PHỦ ĐẶC ỦY TRUNG ƯƠNG T.BÁO		26-03-1988	3 NĂM	
50	NGUYỄN VĂN THUẬN	29-05-1947	01-06-1965	67/823550	"	THẲNG SỐ	ĐƠN VỊ 3 QUẢNG TRỊ		01-04-1988	3 NGÀY	
51	PHẠM VĂN CÔNG	22-02-1952	11-1969	82/501807	"	THƯ KÝ ĐP. CSQG			16-04-1988	8 THÁNG	
52	NGUYỄN VĂN MƯỜI	21-04-1953	10-1970	73/600888	"		SĐ3 K.Q		16-04-1988	3 NGÀY	
53	LÊ HOÀNG HẢI	1955	1973	55/846717	"		P6 / BCH - TK AN XUYÊN		16-04-1988	9 THÁNG	
54	LÊ QUANG HỘI	27-09-1953	26-02-1972	73/187019	"		TRUNG TÂM QUẢNG TRỊ TRUNG ƯƠNG		16-04-1988	3 NGÀY	
55	BÙI PHI LONG	01-01-1958	15-01-1975	78/501764	"		TĐ 211 PHÁO BINH		16-04-1988	7 NGÀY	
56	TỪ VĂN TÂM	10-10-1956	06-03-1973		"	Y TÁ	TĐH / SĐ 8 BB		16-03-1988		
57	TRẦN TÙNG	1939	1968	65/174239	"		ĐĐ-CH / TĐ1 / TRĐ50 / SĐ25		01-04-1988		
58	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	1942		62A/700181	ĐẠI ÚY		DUYÊN ĐOÀN 34		13-05-1988	3 NĂM	
59	NGUYỄN ĐỒNG ANH	1945		65/543724	"		P2 / BTL QĐIV	19.05.1988	13-05-1988	6 NĂM 8 THÁNG	GRT/69
60	VŨ MẠNH HÙNG	1945		45/194387	"		P3 / BTTM		13.05-1988	6 NĂM	IV# 209916
61	NGUYỄN BÁ KỲ	1941		61/109137	"	CHỈ HUY TRƯỞNG	KHO 543 ĐẠN DƯỢC		13-05-1988	6 NĂM	
62	ĐẶNG CÔNG SINH	1938		58/202032	"	TRP.3 Kiểm TT Thủy TT HÀNH QUÂN	BCH / TK THỪA THIÊN		13-05-1988	2 NĂM 2 THÁNG	

63	BÙI QUANG ĐỊNH	09.07.1952	16.04.1971	72/127092	TRUNG SĨ I	HSQ HÀNH CHÁNH	ĐƠN VỊ A QUẢN TRỊ		01.04.88	1th	
64	NGUYỄN TẤT VƯỢNG	30.07.1942	05.01.1962	62/700662	THƯỢNG SĨ		GIANG ĐOÀN 24 X.QUANG		"	1th	
65	ĐỖ VĂN THẠCH	01.01.1959		59/135903	TRUNG SĨ I	BIỆT PHÁI	ĐIỆN LỰC SÀI GÒN		16.5.88	2th	
66	NGUYỄN KIM SANH	06.10.1945	02.12.1965	65/134817	ĐẠI ÚY	HLV CHIẾN TH	TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA		01.05.88	7n 2th	15.78_44_458/BHLĐ ngày 20.08.1982
67	NGUYỄN KHOA HUÂN	28.11.1946	17.12.1967	66/203315	TRUNG ÚY	PHÓ ĐỘI TRỞ	BCH-PĐ-TK GÒ CÔNG		"	5n 4th	
68	PHAN HOÀNG QUÍ	11.04.1944	12.04.1968	70/125183	"	TRƯỞNG BAN	B.ĐỊA ỐC-C.VẬN PH/TK SADEC		"	2n 6th	IV * 597642
69	LÊ HỒNG CƯỜNG	07.10.1950	16.12.1968	70/125183	"	ĐẠI ĐỘI TRỞ	TĐ 60/LĐ 15 BĐQ		"	6n	
70	HUỲNH NHƯ THÔNG	12.04.1958	30.03.1965	58/205709	"	TRƯỞNG PHÒNG	TPĐH-BĐPT-QKI		"	2n 5th	GRT 89 QĐPT. ngày 19-5-77
71	NGÔ NGỌC THUẬN	25.03.1946	06.03.1969	66/602244	"	PHÓ ĐOÀN	Đ.KIẾN TẠO 303 KQ/BH		"	4n	12/GRT . 25.01.1979
72	NGUYỄN VĂN LIẾT	15.12.1945	01.01.1965	65/600.692	THƯỢNG SĨ	TRƯỞNG KHO	CĂN CỨ TIẾP VẬN KQ		"	5 ngày	
73	ĐÀM PHÚ HUẤN	25.06.1953	13.10.1969	73/102846	TRUNG SĨ I	TRƯỞNG BAN	TTRTV ĐÁN KẾ TRẦNG TOẢN		"	5 ngày	
74	ĐỒNG KIM CANG	24.05.1948	15.03.1966	67/407304	"	THÔNG DỊCH VIÊN	TRITV - 301 BB		"	6th	
75	SƠN THỊ CƯƠNG	1945	1960	63/509545	"	KẾ TOÁN TC	TRUNG TÂM TIẾP TRỢ VB		"	7 ngày	GRT 115/CN ngày 31-8-1975 ↓
76	VÕ VĂN SỬ	12.02.1950	.03.1971	70/149063	SVSQ/71	BIỆT PHÁI	TY ĐIỀN ĐỊA BIÊN HÒA		"	6th	
77	NGÔ TIẾN THẮNG	27.11.1955	31.03.1973	75/135485	TRUNG SĨ	TRUNG ĐỘI PHÓ	TĐ 344 BĐQ KIÊN GIANG		"	17th	
78	TRỊNH MINH HÙNG	24.06.1951	11.1967	71/136246	HẠ SĨ I	TIỂU ĐỘI TRƯỞNG	TĐ 3 TQLC		"	15 ngày	
79	NGUYỄN VĂN ĐỨC	1948	05.11.1967	60/700949	"	CV CƠ KHÍ	GIANG ĐOÀN 23 XP		"	5th.	
80	NGUYỄN XUÂN LÀNH	27.08.1952	06.10.1970	72/605366	HẠ SĨ		ĐOÀN NHIÊN LIỆU/LDSTVKQ		"	3n 6th	
81	NGUYỄN HỮU PHÁT	04.05.1954	.1971	74/102566	BINH I	Y TÁ	TT HỒI LỰC VŨNG TÀU	13.06.88	"	3 ngày	
82	NGUYỄN ÁI MINH	08.09.1952	.1970	72/518709	"	THƯ KÝ	KHỐI HÀNH QUÂN		"	3 ngày	
83	TRẦN TRƯỜNG AN	20.05.1953	25.04.1973	73/157294	"		ĐĐ3/TĐ3/TRĐ46/SĐ18 BB		"	7 ngày	
84	TRẦN THANH SƠN	1946	09.1974	46 M01330	BINH II		BCH.TK.KIÊN GIANG		"	45 ngày	
85	TRẦN VĂN MẠNH	1956		52 N01565	"		BCH CK ĐÌNH CHÁNH K.PH		"	30 ngày	
86	TRƯƠNG HỮU LỄ	20.05.1932	12.1953	52/123338	THIẾU TÁ	QUẬN TRƯỞNG			13.05.088	9 năm	

87	VŨ ĐÌNH TUẤT.	15.05.1946	25.05.1965	66/100690	ĐẠI UÝ	HLV	TRƯỜNG THIẾT GIÁP		13.05.88	7n.	
88	LÊ KIM HỒNG	11.04.1947	05.04.1967	67/196300	TRUNG UÝ	ĐẠI ĐỘI TRG	ĐĐ .T8/SĐ7 BB		"	6n 6th.	
89	NGUYỄN VĂN LONG	1947	26.05.1966	67/184086	TRUNG SĨ I	Y TÁ	BVB DÃ CHIẾN		"	1n.	
90	NGUYỄN KHẮC LIÊM	28.09.1950	22.11.1968	70/700724	"	THUYỀN TRG	GIANG ĐOÀN 78 THỦY BỘ		"	6th	
91	TRƯƠNG CÔNG DANH	1952	1973	52/147907	HẠ SĨ	TÀI XẾ	ĐCH TK TRÀ VINH.		07.05.88	7ng.	
92	LÊ THANH.	28.12.1954		54/104022	BINH II		TRUNG TÂM HỖ SỞ BTTM		13.05.88	5ng.	
93	VÕNG VĂN ĐẲNG	19.05.1944	01.06.1964	44/176753	ĐẠI UÝ.	ĐĐ TRƯỞNG	TRUNG TÂM HL PHÙ CÁT		"	5n	(5n, 1n quản chế).
94	ĐẶNG VĂN SUNG	1954		72/124469	TRUNG SĨ		ĐCH / LỮ ĐOÀN 3 DÙ.		"	17ng	
95	VŨ VĂN TRÁNG	1947		67/195488			TĐ 5 QUÂN CẢNH.		"	3ng.	
96	NGUYỄN VĂN BÉ	1944		64/509515	BINH I		TĐI / 31 SĐ 21 BB.	19.05.88	"	"	GRT/37 ngày 20.03.1976
97	HỒ TẤN NHỎ	1954		74/160202	BINH II		TĐ 370 ĐPQ		"	"	
98	HÀ VĂN HOÀNG	1945	01.08.1964	65/601103	HẠ SĨ I	CHUYÊN VIÊN	BCH KTH / TV KQ		"	"	
99	PHAN VĂN ĐÀM.	27.07.1929	1950	49/201607	TRUNG TÁ	CHÁNH VP.	CÔNG TY ĐƯỜNG VN		21.05.88	5n 7th.	
100	NGUYỄN VĂN VIỆNG			78/401165	BINH II.		ĐĐ3 / TĐ1 / TRĐ52 / SĐ18 BB		"	3ng	
101	NGUYỄN VĂN HÀ		01.08.1964	65/600425	HẠ SĨ I.	KTKQ	BP C130BF05 BTL / CSGC		"	2n 5th.	
102	NGUYỄN NGỌC THÂN	11.11.1948	01.01.1968	68/130123	HẠ SĨ.	QUÂN CẢNH	ĐĐ 109 QC THUỘC SĐ9BB		"	15ng	
103	LƯU ĐIỀN QUÝ	08.08.1927	30.10.1953	47A/104394	THIẾU TÁ	ĐOÀN PHÓ	ĐOÀN TẠO TÁC BẠC LIÊU		28.05.88	7n 2th.	
104	VŨ VĂN VUI	31.03.1934	25.02.1954	54/102567	HẠ SĨ	TÀI XẾ	TĐ TẦN TRANG 141 QC.		"		
105	BÙI SỸ	12.05.1949	1970	69/152152	TRUNG SĨ	HSQ TIẾP LIỆU	TĐTT / SĐND.		"	3ng	
106	TRẦN VĂN BÉ	13.08.1952	04.05.1970	72/119597	— " —	HSQ SIÊU TẦN	TĐ23TT / SĐ 23BB.		"	4th.	
107	PHẠM BÁ PHONG	20.07.1942	01.10.1960	62/205198	BINH I	THỢ ĐIỆN	ĐĐ 813 TTQC.		13.05.88	7ng	
108	ĐINH HUY HOÀNG	15.01.1936	01.08.1954	56/302506	TRUNG UÝ		TRẠI QUÂN KỲ 3.		"	6ng	
109	TRẦN VĂN GỬI	1945	1972	45/200284	BINH II.	THIẾT TIN	BĐT 3535 BCH/TRPD.		14.05.88.	3th.	XIN BẢO TRỢ.
110	ĐẶNG VIẾT KIÊN	28.01.1948		68A/702606	TRUNG UÝ		HẢI QUÂN.		13.05.88	3n	IV # 90343
111	PHẠM HỮU NGHĨA.	1950		70/152987	"		TĐ7 QT.		"	2n 6th	
112	HOÀNG THẾ VINH	01.01.1947		67/817655	"		KHO 531 ĐẠN DƯỢC.		"	8n 5thg	
113	NGUYỄN VĂN KHÓN	18.03.1947		67/805822	"	HSQCTCT(BT/TT)	ĐCH / T.K QUẢNG ĐỨC.		21.05.88	9n	IV 70742 VEWL 36270
114	GIANG HÙNG.	1944		64/243320	"		TĐ 12 / LĐ 7 CB.		13.05.88	3n 8thg	
115	DƯƠNG TIẾN LỢI.	1946		66/158140	"		CƠ QUAN KKTKPL/LB.	19.05.88	"	3n	IV # A4146. VEWL # 18275
116	HÀ TỚI.	1946		66/153704	"		LĐ 52 ĐẠN DƯỢC CAMRANH.		"	3n	
117	NGUYỄN VĂN DỪA	1954		54/170028	"		ĐCH TK LONG AN		"	4n 6th	
118	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC.	1947.		67/804214	"		ĐĐ TT BK THỦ ĐỨC.		"	3n.	

119	LÊ CÔNG NGỮ	10.12.1954		74/602674	THIẾU UÝ	PHI CÔNG TRỰC THĂNG	CC 60CT / 106 KQ		13.05.88	4n	
120	TRƯƠNG VĂN NĂM	04.07.1951		71/146143	"		CH ĐỘI 1 KĐ1/TĐĐ 18 KB		"	5n	
121	TRƯƠNG KIM ĐIỆP	1953		73/607495	"		LĐVKĐB /KĐ50 BTTL /[illegible]		"	2n gth	
122	NGUYỄN VĂN THẮNG	1949		69/151004	"		BCH TĐ 316 ĐPQ		"	10th	
123	MAI VIẾT HUY	1941		61/130085	CHUẨN UÝ	SQ TRỢ Y	BTL LLĐB		"	15ng	
124	NGUYỄN HỮU THƯỜNG	1952		72/609128	"		ĐƠN VỊ QUÂN TRỤ KQ		"	10ng	
125	PHẠM MẠNH CƯỜNG	1952		72/609128	"		TRƯỜNG SQ TRỪ BỊ QUÂN		"	3ng	
126	TRẦN VĂN UY	25.12.1953		73/152182	"		TĐ 8/45 SĐ 9 BB		"	9ng	
127	TRẦN VĂN LỄ	1938		58/600425	"		BCH LKTTY KQ		"	3ng	
128	PHẠM BỒNG	1931		51/201710	THƯỢNG SĨ		BCH TK THỪA THIÊN		"		
129	NGUYỄN VĂN CHỞN	1943		63/500186	TRUNG SĨ I		TĐ 81 PHÁO BINH		"	9th	
130	PHẠM VĂN TUYẾT	26.05.1954		74/401729	HẠ SĨ I	Y TÁ	QUÂN Y VIỆN PLAYKU		"	5th	
131	LÝ VĂN NHÂN	1939		59/161968	TRUNG SĨ		TRƯỜNG CÂY MAI		"	15ng	
132	TRẦN TRỌNG ĐỊNH	18.04.1957		77/106216	BINH I		TĐ 11 ND		"	7ng	
133	VŨ THẾ TÙNG	01.05.1958		76/700336		THỦY THỦ	HQ 400		"	2ng	
134	DANH RIÊNG	1958		78/501626	BINH I		SĐ 9 BB			15ng	
135	DƯƠNG TRÁNG	1957		57 MO 6527		NQ	KBC 50			1 tháng	
136	TRẦN VĂN TỪ	02.01.1954	02.02.1972	74/506445	HẠ SQ TRỪ BỊ						
137	LỮ HÀ TỬ	1954	1973		BINH II	KHINH BINH	TIỂU ĐOÀN 310 TK LONG AN	16.05.88	07.05.88 / 18.05.88	8ng	
138	NGUYỄN VĂN CHỈ	12.02.1953	07.1970	53/557964	BINH I	NHÂN VIÊN ÂM THOẠI	TRUNG TÂM YỂM TRỢ TIẾP VẬN GĐ	"	"	1th 15ng	
139	HUỲNH ĐẮC THẾ	18.02.1955	27.05.1972	55/903728	"	THƯ KÝ	ĐĐ 4 ĐỘI BIỆT LẬP ĐỊA PHƯƠNG QUÂN KBC 4162 TK BA XUYÊN	12.01.88	1.6.88	9th	
140	NGUYỄN VĂN	05.08.1949	08.05.1969	69/804855	TRUNG UÝ	SQ QUÂN XA	TIỂU ĐOÀN 80 PHÁO BINH	21.01.88	"	2n 6th	XIN BẢO TRỢ
141	LÊ HỘI	02.04.1948	12.12.1968	68/601729	"	TRỂ PHI CƠ	PĐ 215 SĐ I KQ	24.01.88	"	15th	
142	HÀ VĂN KỲ	1944	22.09.1966	64/702316	HẠ SĨ I	CƠ KHÍ	TẠM TRÚ BAN KQ 805 C SG	16.05.88	11.05.88	8ng	
143	VŨ VĂN TỰ	1952	11.1968	72/700219	HẠ SĨ	"	CĂN CỨ TIẾP VẬN ĐÀ NẴNG SƠN TRÀ	"	"	"	
144	VŨ MẠNH HÙNG	20.12.1945	19.11.1964	65/194979	ĐẠI UÝ	SQ KẾ HOẠCH ĐÓ THỊ	P. 0.0 BTTM KBC 4002	06.02.88	10.05.88	5n 10th	IV 209916
145	VŨ ĐẢNG PHÚ	05.11.1951	20.03.1972	71/607898	CHUẨN UÝ	khóa sinh hậu học truyền tin điện tử	BV QUẢNG TRỊ KQ BTLKQ	19.01.88	25.05.88	3ng	
~~146~~	~~NGUYỄN BÁ KỲ~~	~~01.04.1941~~	~~01.02.1961~~	~~61/108.187~~	~~ĐẠI UÝ~~	~~[illegible]~~	~~[illegible] 5A [illegible]~~	~~[illegible].88~~	~~[illegible].88~~	~~5n gth~~	
47	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	11.06.1939	02.12.1968	59/154573	TRUNG UÝ	SQ SƯU TẦM	P/TÀI LIỆU TỔNG CỤC QUÂN HUẤN BỘ TỔNG THAM MƯU	25.01.88	01.06.88	6n 6th	
148	TRẦN QUANG CƯỜNG	27.06.1950	04.10.1968	70/002171	TRUNG SĨ I	KẾ TOÁN	SỞ HÀNH CHÁNH TÀI CHÁNH SĐ 7	26.01.88	"	18ng	
49	TRẦN ĐÌNH HẢI	01.03.1941	27.09.1961	61/128703	ĐẠI UÝ	CCKT-PT	ĐẶC KHU QII SG	28.04.88	"	7n	IV 47499
50	TRƯƠNG HÙNG	1937	14.08.1962	57/108.977	HẠ SĨ I		KHO 0A ĐẠN DƯỢC QUÂN CỤ	23.01.88	"	75ng	
51	NGUYỄN TRUNG HẢI	1939	10.04.1967	59/707.764	"	TIỂU ĐỘI PHÓ	TĐ 316 ĐPQ	26.01.88	"	3ng	

152	TRẦN VĂN NHÀN	11.01.1953	30.05.1970	75/140871	THIẾU UÝ	TỔ TRƯỞNG	002/TC3/TLĐAL/30.05.88	30.01.88	01.06.88	5ⁿ

Danh sách ~~Cựu quân nhân~~ vượt biển đường biển
đang ở tại trại ~~tỵ nạn~~ Việt Nam Banthad VNHCR

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Ngày nhập ngũ	Số quân	Cấp bậc	Chức vụ	Đơn vị cuối cùng	Thời gian cải tạo	Ngày đến Thailand	Ngày đến Banthad	Ghi chú
1	Phạm văn Nuôi	14-8-45	tháng 1-68	65/502107	Đại úy	Tiểu đoàn trưởng	Tiểu đoàn 1 - TĐ 31 Sư 21 BB	Từ 3/5/75 → 21-1-82	15-4-88	17-6-88	Số nhà 8_{H4}
2	Đặng Ngọc Lễ	9-8-41	3-4-1962	61/203154	Đại úy	Sĩ quan TT/TĐ	Trung đoàn 54 Sư 1/BB	2 năm 2 tháng	10-2-88	16-4-88	8_{E6}
3	Trần văn Sinh	24-12-47	1-6-68	67/805249	Trung úy	Sĩ quan CTCT	Tiểu đoàn 2 - TĐ 54 - Sư 1 BB	04 năm	15-4-88	17-6-88	8_{H7}
4	Đinh gia Thụy	1949	20-4-72	69/514750	Thiếu úy	Sĩ quan điều hành (Ban LHBS 2 biển)	Đoàn quân sự VNCH - Ban liên hợp QS 2 bên khu 7	2 năm 6 tháng	01-2-88	01-04-88	8_{H8}
5	Nguyễn Tăng Cường	01-6-53	14-10-72	73/152377	Chuẩn úy	Phụ tá B3/HL	Chi khu Hải Lăng - TK Quảng Trị	1975 → 1980 (6 tháng)	19-2-88	17-3-88	8_{C7}
6	Đào Đình Trình	20-1-51	20-11-73	71/148889	Chuẩn úy	Trung đội trưởng	Đại đội 1 - TĐ 507 - LĐ 956/ĐP	03 ngày	15-4-88	17-6-88	8_{H5}
7	Trần Hữu Ngọc	1956	10-1-75	danh số 179	SVSQ/CS	Khóa sinh	Học viện CSQG Thủ Đức	03 năm 2 tháng	27-2-88	13-6-88	8_{E5}
8	Trần văn Việt	21-9-49	01-6-69	69/601230	SVSQ/KQ	Khóa sinh	Đơn vị quản trị không quân	03 ngày	28-3-88	13-6-88	8_{B4}
9	Nguyễn Tất Vượng	30-7-42	5-1-62	62/700662	Thượng sĩ	HSQ/Tiếp vụ	Giang đoàn 24 XP/KBC 3326	24 ngày	05-02-88	13-6-88	8_{B1}
10	Bùi Quang Vinh	9-7-52	16-4-71	72/127092	Trung sĩ I	Phụ tá An ninh	Đơn vị 4 Quản trị - Quân đoàn 4	07 tháng	16-2-88	13-6-88	8_{B6}
11	Nguyễn văn Cẩn	1932	1964	CS	Trung sĩ I	Trưởng ban phòng ảnh, hồ sơ căn cước	209 Ty CS Đà Lạt - Tuyên Đức	6 tháng 10 ngày	16-2-88	13-6-88	8_{C5}
12	Nguyễn văn Luật	1934	26-5-65	CS	Trung sĩ I	Tổ trưởng sưu tầm	G Kiên Tân - T Kiên Giang	2 năm	16-6-88	17-6-88	8_{E6}
13	Nguyễn văn Sâm	15-11-46	20-3-64	66/700744	Trung sĩ	HSQ vận chuyển	Giang đoàn 26 XP - KBC 3305	15 ngày	16-2-88	13-6-88	8_{D3}
14	Đỗ Mạnh Biền	28-6-56	tháng 7/74	76/132862	Trung sĩ	Tiểu đội trưởng	Đại đội 2/TĐ 436/5878B	03 ngày	10-6-88	17-6-88	8_{G4}
15	Lê Thành Long	25-11-41	8-10-62	61/107190	Trung sĩ / Phó điều hành	HSQ/QTNV / Phó Tr. Ty xã hội	Tiểu đoàn 3/55 KBC 4368 / Ty xã hội Quảng Nam	2 năm 8 tháng	13-3-88	16-4-88	8_{E8}
	Nguyễn văn Hoan	05-10-55	20-3-73	75/512846	Trung sĩ	Tiểu đội trưởng	TK VL/TĐ 463/ĐPQ	03 năm	12-3-88	16-4-88	8_{B6}

Danh sách cựu quân nhân vượt biển đường biển
đang ở tại trại tỵ nạn Việt Nam Banthad UNHCR

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngày nhập ngũ	Số quân	Cấp bậc	Chức vụ	Đơn vị cuối cùng	Thời gian cải tạo	Ngày đến Thailand	Ngày đến Banthad	Ghi chú
17	Hà văn Kỳ	1944	22.9.66	64/702316	Hạ sĩ I	Cơ khí hải quân	Tàm thủ Hạm HQ 9050 Sài Gòn	03 ngày	16-6-88	17-6-88	Số nhà 8 F9
18	Vũ Văn Cử	1952	11/68	72/700219	Hạ sĩ	Cơ khí Hải quân	Căn cứ yểm trợ TV Đà Nẵng	03 ngày	16.6.88	17-6.88	8 H8
19	Lê Hà Thanh	1945	10.12.68	45/557225	Hạ sĩ	phụ tá xạ thủ số 1 ĐĐ1/TĐ474/KG	ĐĐ1 Tiểu đoàn 474 Tiểu khu Kiên Giang	03 tháng	13.2.88	17-3.88	8 C7
20	Đỗ Khắc Hùng	9-9-53	13.5.71	73/604165	Hạ sĩ	phó ban tiến hành chuyển vận	Sư đoàn II không quân	03 Tháng	12.3.88	16-4-88	8 I7
21	Lục văn Thành	1-8-52	30.9.69	72/701268	Hạ sĩ	nhân viên kho vũ khí	Hải quân Công xưởng	03 ngày	16.4.88	13.6.88	8 B3
22	Nguyễn Hữu phát	4-5-54		74/102568	Binh I	y tá phòng thí nghiệm	BV Trung Tâm Hồi Lực Vĩnh Tuy	03 ngày	16.4.88	13-6-88	8 F5
23	Hứa Tường Đệ	2-11-54	1972	54/674005	Binh I	khinh binh	ĐĐCH/YT/384/ĐPQ	07 ngày	15-4-88	16-4.88	8 C2
24	Phạm văn Công	22.2-52	1969	52/501807	Binh I	Thư ký Đại Đội	Quận Thới Bình, An Xuyên CM	08 Tháng	16-4-88	13.6.88	8 A5
25	Lê Quang Hồi	27-9-53	26.2.72	78/137019	BII	Nhân viên	TT Quản trị tài liệu/Bộ TTM	-	16-4-88	13-6-88	8 Đ10
26	Trần quốc Định	01.02.58	12-4-75	-	BII	Tân Binh	Quân trường Quang Trung	03 ngày	16-3-88	13-6.88	8 C8
27	Nguyễn văn Cúc	1932	1958	Số NV/52573	Công chức	security	Côn Sơn 213 Site (HK)	-	13-2-1989	17-3-1988	8 F1
28	Lê văn phước Hưng	1-6-56	22-4-74	56/867350	BII	khinh binh	Đại Đội 2/334 ĐPQ/Long An	03 Tháng	13-2-88	13-6-88	8 E3
29	Lê Hoàng Hải	1955	1973	55/846717	BII		Tiểu khu An Xuyên	11 tháng	12-3-88	13-6-88	8 A11
30	Phạm Hùng Trụ	1957	7-7-74	57/872547	BII		ĐĐ1 Tiểu đoàn 418/ĐPQ	07 ngày	28-3-88	1-4-88	8 B3
31	Điều văn Chay	14-7-49	1968	69/001283	BI	Thông dịch viên	Tiểu đoàn 416 SĐ 9 BB	05 ngày	16-2.88	13-6-88	8 D4
32	Nguyễn văn Mười	21-4-53	1970	73/600888	BII	Nhân viên	Sư đoàn 3/không quân	03 ngày	16-4-88	13-6-88	8 B9
33	Bùi Bảo Nam	29-9-56	29-3-74	76/123236	BII	khinh binh	ĐĐ3/TĐ51/LĐ6/Biệt động quân	3 ngày	21-4-88	17-6-88	8 G8

Danh sách cựu quân nhân vượt biển đường biển
đang ở tại trại tỵ nạn Việt Nam Banthad UNHCR

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngày Nhập ngũ	Số quân	Cấp bậc	Chức vụ	Đơn vị Cuối cùng	Thời gian cải tạo	Ngày đến Thailand	Ngày đến Banthad	Ghi Chú
34	Hà Đăng Bản	19-9-54	9-12-72	54/738450	B1	thư ký T2/Đại đội	ĐĐ1/TĐ529/ĐP Kiên Giang	03 tháng	16-2-88	16-4-88	8_{E4}
35	Bùi phi Long	1958	15-1-74	78/504964	B II	khóa sinh	21 pháo binh	01 tháng	27-2-88	12-6-88	8_{C9}
36	Trần Cung	30-11-49	1968	65/174259	B II	chính binh	ĐĐCH/TĐ1/TRĐ50/Sư 25 BB		1-2-88	13-6-88	8_{B1}
37	Bùi văn Sinh	1948	1968	– XDNT	Đoàn viên	Đoàn Viên	Tỉnh đoàn XDNT/Gia Định	07 ngày	21-2-88	16-4-88	8_{E11}
38	Đỗ Trọng Hưng	29-5-53	1973	–	Nhân viên	Trung tố viên hữu thị	Tổng Nha TV – Nha Thuế Hành Thu	3 ngày	10-6-88	17-6-88	8_{F10}
39	Trần thị Nhàn	2-6-1952	26-1-70	–	Nhân viên	Cashier	Central Training INSTITUTE USARV APO 96491	01 tháng	21-12-88	16-4-88	8_{C6}
40	Bùi Thủy Hà	1948	1967	–	–	ACCOUNTANT	UNITED service organizations INC.		21-2-88	16-4-88	8_{C6}

DANH SÁCH CỰU C.S.Q.G. VNCH VƯỢT BIÊN ĐƯỜNG BIỂN

ĐANG ĐƯỢC GIỮ TẠI TRẠI MỚI TỴ NẠN VIỆTNAM BANTHAD THAILAND

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Ngày nhập CSQG	Số CSQG số điện tử	Cấp bậc	Chức vụ	Cơ quan, đơn vị cuối cùng	Thgian cải tạo	Đến trại tỵ nạn	Ghi Chú
1	MAI NGỌC Y	1952	. .01.1971	272487	CSV	BTL. CSQG		10n	13.05.88	
2	TRANG VĂN KHÂM	09.01.1954	25.01.1967	158845	ĐẠI ÚY	TRƯỞNG CUỘC	C. CSQG PHÚ THỌ HÒA	6n 8th	26.03.88	
3	ĐINH VĂN ỨNG	19.07.1943	14.03.1967	156237	THIẾU ÚY		HỌC VIỆN CSQG THỦ ĐỨC	2n 8th	16.03.88	
4	BÙI QUANG KHẢ	17.09.1939	31.12.1970		"	TRƯỞNG CUỘC	C. CSQG KIẾN THÀNH. QUẢNG ĐỨC	3n	07.05.88	
5	NGUYỄN HIỆP ĐỒNG	16.11.1942	12.02.1966	132552	"	TRƯỞNG BAN	B. TƯ PHÁP CSQG LONG AN	18th	"	IV# 53518
6	PHAN THÀNH CÔNG	10.12.1937	16.10.1961		TRUNG SĨ	TRƯỞNG BAN	B. HÀNH CHÁNH CSQG B. DƯƠNG	12th	16.03.88	
7	THÁI BÌNH DƯƠNG	22.01.1940	16.01.1964		THƯỢNG SĨ	TRƯỞNG TOÁN	T. CĂN CƯỚC CSQG	6th	29.04.88	
8	TRẦN KIM HUỆ	01.09.1951	1971		TRUNG SĨ I	THƯ KÝ	KHỐI HL. BTL CSQG	3 ngày	07.05.88	
9	TRẦN HỮU NGỌC	23.06.1956	10.01.1975		SVSQ		K.11. HỌC VIỆN CSQG	trốn trại	16.04.88	
0	TRẦN VĂN MẬT	1940	1966	140382	TRUNG SĨ I	PHÓ CUỘC	C. CSQG NINH ĐIỀN	1n 6th	01.04.88	
11	NGUYỄN VĂN CẦU	1932	1964		"	TRƯỞNG BAN	P. ẢNH. CSQG ĐÀ LẠT	6th	01.04.88	
12	HỨA VĂN RỈ	1944	1965	124676	D/TSV			15 ngày	01.04.88	
3	HÀ NGỌC CĂN	08.08.1933	05.01.1957	3766	THƯỢNG SĨ	TRƯỞNG BAN ĐTNV	BCH CSQG PHÚ GIÁO	trốn	21.05.88	
4	NGÔ VĂN TÀI	19.09.1949	29.12.1967	200736	TRUNG SĨ I	TRUNG ĐỘI PHÓ	ĐĐ 14 CSDC CHƯƠNG THIỆN	6th	07.05.88	
5	NGUYỄN VĂN HẢI	1942			ĐẠI ÚY		CSĐB/BTL CSQG	8n 8th	13.05.88	LOI# 36743 IV# 94996
6	NGUYỄN THANH QUAN	01.03.1939		33582	THIẾU ÚY		TTHL. CSQG. ~~BÌNH TUY~~ RẠCH DỪA	7n	"	VEWL#002352 IV# 5396
7	x NGUYỄN VĂN TRẦN	01.01.1940	1968	60/402321 104701	"	PHỤ TÁ CHỦ SỰ P. KỸ THUẬT	BCH CSQG BÌNH TUY	[illegible]th	"	IV# 124383
18	NGUYỄN PHỤNG HÒA	1940			TRUNG SĨ I		BTL CSQG	3n	"	
19	NGUYỄN VĂN XỈNH	27.03.1938		76432	"		BCH. CSQG KS BIÊN HÒA	6th	"	
20	NGUYỄN VĂN TẾN	18.10.1941	16.12.1966	159437.	"	PHỤ TÁ AN NINH	BCH. CSQG_Q5_SG	5n	28.05.88	
21	TRẦN CÔNG MINH.	10.10.1954	18.12.1979	17903.	CSV	BTL KHỐI CSQG	BĐ 203 CSQG _ BCH. CSQG BÌNH ĐỊNH	15 ng	01.06.88	
22	NGUYỄN THỊ ĐẠI	27.08.1948	1968		TRUNG SĨ	NHÂN VIÊN	BCH. CSQG Q11. SG	5 ng	—"—	GRT 48733/CN 21.07.1975

DANH SÁCH CỰU CÔNG CHỨC VNCH VƯỢT BIỂN ĐƯỜNG BIỂN

Đang được giữ tại BANTHAD REFUGEE CAMP

Số TT	Họ & tên	Ngày sinh	Ngày vào công chức	Số	Ngạch trật cấp bậc	Chức vụ	Cơ quan cuối cùng	Thời gian cải tạo	Đến trại site 2	ghi chú
1	Nguyễn Hữu Giao	1939			Luật sư		TÒA THƯỢNG THẨM HUẾ	10N 6TH	16-03-1988	
2	LÊ THIỆN NGỌ	21-03-1935	10-1960		Quốc Gia Hành Chánh	CHỦ TỊCH TGĐ	CT KỸ NGHỆ PHÂN BÓN - BSKT	10N	07-05-1988	
3	BÙI THỊ KIM LOAN	04.11.1951	02.09.1968			ĐIỆN THOẠI VIÊN				
4	TRƯƠNG TƯỜNG NGHIỆP	08.09.1948			THƯ KÝ				16.05.1988	
5	BÙI VĂN BÌNH	1948	1968		ĐOÀN VIÊN	TỔ CÔNG TÁC	TI ĐIỀU HỢP PHÁT TRIỂN NT	7 ngày	16-04-1988	
6	NGUYỄN VĂN CÚC	01.01.1932			THƯ KÝ	CHUYÊN VIÊN	HÃNG PHILCO		17.05.88	
7	TRẦN THỊ NHIỀM	02.01.1954			THƯ KÝ		HÀNH CHÁNH AN NHƠN		01.04.88	182
8	MÃ THỊ ĐƯỢC	27.12.1948	09.12.1970		"		TY ĐIỀN ĐỊA KIẾN PHONG	10 ngày	07.05.88	
9	TRẦN SÁU	22.09.1948	1966	220133		CÁN BỘ	XDNT BẠC LIÊU	6 năm	"	
10	TRỊNH VIẾT GIỚI	1951	1967	6178	C2-B3	CC.QP	HẢI QUÂN CÔNG XƯỞNG	3 năm	"	
11	NGUYỄN THỊ TUYẾT	15.01.1950	1967		THƯ KÝ	NV. NGÂN HÀNG	NGÂN HÀNG SADEC	15 ngày	"	IV. 537642.
12	PHẠM THỊ HẢO	28.10.1953	10.1972		GV CI		TRƯỜNG TÂN HIỆP BIÊN HÒA	2 th	"	
13	HOÀNG QUỐC HƯƠNG	1931	1959		DÂN BIỂU		QUỐC HỘI VNCH. ĐỆ I CH.	trốn	"	
14	TRẦN THỊ NHAN	02.06.1952	26.01.1970			NV. HOA KỲ	CRC LONG BÌNH		15.04.88	
15	HUỲNH LONG HẢI	23.09.1954			GIÁO VIÊN		TT GIÁO DỤC PHƯỚC ~~LONG~~ TUY	15 ngày	13.05.88	
16	ĐẶNG KIM THỦY	1951			CÔNG CHỨC		TÒA ĐÔ CHÁNH SAIGON	"	"	
17	NGÔ THỊ THANH ĐÀO	1954			"		NHA CẢI CÁCH ĐIỀN ĐỊA	7 ngày	"	
18	PHAN THỊ HƯỜNG	08.12.1951			"		TỔNG NHA THUẾ VỤ BỘ TC	3 ngày	"	
19	VÕ THỊ DUNG	1947			LUC SU.		TỐI CAO PHÁP VIỆN	7 ngày		
20	NGUYỄN QUANG TRÃ	1944			KỸ SƯ		TỔNG NHA NÔNG NGHIỆP	tại chỗ	"	
21	ĐÀO KIM THOA	1950			GIÁO VIÊN		TRƯỜNG BẢN CỜ SG	"	"	
22	ĐÀO THỊ BÍCH VÂN	1953			"	"	TRƯỜNG PHƯỚC HƯNG SG	"	"	
23	ĐỖ DANH DƯ	1935			CÔNG CHỨC	THƯ KÝ		3 ngày	"	
24	LÊ KIM ANH	1940			"	CVSCVTĐ		3 ngày	"	
25	NGÔ THỊ NGỌC DUNG	1952	1970			THƯ KÝ	TỔNG CỤC TIẾP PHẨM	3 ngày	13.05.1988	IV # 90343
26	NGUYỄN MINH HƯỜNG	11.12.1946	1974			THƯ KÝ	TRƯỜNG TRUNG HỌC CAM RANH		"	
27	NGUYỄN THỊ CAM.	09.07.1951	02.1969		VGS 8/2.	Sec. Adm/spec. Finance	LSI COMPANI AT DANANG AIR BASE	7 ngày	01.06.1988	

23	PHAN ĐỨC THẮNG	18.06.1946	19.06.1965	112578 OR 112512	TR. SĨ I	TRẠP. THỔ BAN ANCL/ST	BIỆT ĐOÀN 5 / CSDC	10ng	28.05.88
24	LÂM HẢI	08.12.1915	1942		HẠNG 4	THẨM SÁT VIÊN THÀNH THỊ.	NHA CC ĐÀ NẴNG	nghỉ hưu 1970	"

28	BÙI THỊ NIÂU	19.05.1953		1972		CÔNG CHỨC BẬC II	THƯ KÝ BAN AN	KHO 531 ĐẠN DƯỢC VIÊN ĐOÀN 530D . KBC A026		13 . 05 . 88.	
29	Lê Thị Lệ HƯƠNG	01.02.1944		1970		Giáo Sư	Giáo Sư dạy	Trg Phan Chu Trinh ĐANẴNG.		đến Klongyai 15.1.88	BT. 15.5.88.

DANH SÁCH CỰU QUÂN NHÂN VƯỢT ~~BIỂN~~ ĐƯỜNG BIỂN ĐANG Ở TẠI TRẠI TỴ NẠN VIỆT NAM BANTHAD UNHCR

STT	Họ và Tên	ngày sinh	ngày nhập ngũ	Số quân	Cấp bậc	chức vụ	Đơn vị cuối cùng	thời gian cải tạo	ngày đến thái lan	ngày đến banthad	Ghi chú
6	Nguyễn Hoàng Lâm	17. 1. 1950	24. 2. 1972	70/147863	Thiếu úy	Trưởng ban 4 TĐ 102 C BCD	tiểu đoàn 102 công binh chiến đấu	26.6.75 → 2.5.78	30. 6. 88	3.7 1988	8J3
16	Nguyễn Văn Cang	25. 12. 1948	30. 10. 1971	/		cán bộ thông tin chiêu hồi	thông tin chiêu hồi - long khánh	1.6.75 → 30.10.79	2. 7. 88	3. 7 1988	8J5
15	Trần Nguyễn Tử Bình	7. 8. 1930	4. 1965		cán bộ XDNT	phụ tá kế hoạch bộ	Bộ xây dựng nông thôn	26.5.75 → 13.10.87	2. 7. 88	3. 7. 1988	8J5
04	Nguyễn Minh Châu	1938	20. 10. 1962	58/600569	Thiếu tá Không quân	Phi công	Sư đoàn 6. Không Quân	11 năm	9. 6. 88	3. 7 1988	8K6
05	Vũ Văn Thênh	12. 12 1944	10. 1964	44/194576	Đại úy	Đại đội trưởng	ĐĐ 2. TĐoàn 311/ĐP. Long an	6 năm	2. 7. 88	3. 7. 1988	8L2
10	Nguyễn Hùng	2. 9. 1955	4. 1972	75/133638	khóa sinh hạ sĩ quan		Trung tâm huấn luyện Q.Trung	3 ngày	2. 7. 88	3. 7 1988	8L2
17	Nguyễn Vĩnh An	10. 10. 1954	1971.			Thợ Điện	Lục quân công xưởng	5 ngày	2. 7. 88	3. 7. 1988	8L2
14	Nguyễn Ngọc Hiếu	1. 3. 1956	20. 10. 1974	76/6671	Binh II	Thanh binh	TĐ1/16. SĐ 9 BB.	3 tháng	2. 7. 88	3. 7. 1988	8L6
13	Nguyễn Minh Đức	1955	1973.	75/129124	Binh II	Thanh binh	Liên đoàn 81 biệt kích dù ĐĐ2 xkích	7.75 → 5.82	9. 6. 88	3. 7. 1988	8K4
11	Nguyễn Chánh Trung	1955	5. 1973	75/502185	Binh I	y tá cứu thương	TĐ 32. Liên đoàn 7 Biệt động	3 ngày	9. 6. 88	3. 7. 1988	8J1
9	Đỗ Trọng Tiến	3. 9. 1955	19. 3. 1973	75/133386	Trung sĩ	HSQ Tác xạ	Trung đội 10/HATĐ 102 P.BCĐ.	2 tháng 3 ngày	9. 6 88	3. 7 1988	8K4
2	Lương Ngọc Thanh	06. 11. 1944	8. 6 1964	44/176806	Đại úy	Tiểu đoàn phó	TĐ 456/ĐPQ KBC 4286 (KBC 4282)	1.5.75 → 29.9.81	9. 6. 88	3. 7 1988	8K4
07	Trần Văn Thạo	4. 8. 1948	6. 1969	68/150135	Thiếu úy	Trung đội trưởng	ĐĐ. 202/ĐPQ Cai Lậy ~~[illegible]~~	26.5.75 → 30.12.75	9. 6 88	3. 7 1988	8K4
12	Lưu Văn Hải	1953	7. 1971	73/126756	binh nhất	tài xế	Liên đoàn an ninh danh dự phủ tổng thống	5 ngày	29. 6. 88	3. 7. 1988	8L1
8	Bùi Công Khánh	3. 9. 1953	16. 9. 1970	73/502301	Thiếu úy	Trưởng toán TA/BB 7KTBĐ	biệt đội 7 KTĐB/P7BTTM	7.5.75 2.9.79	2. 7. 88	3. 7 1988	8K5
01	Lương Ngọc Thanh	6. 11. 44	8. 6 64	44/176806	Đại úy	TĐ Phó	TĐ 456/ĐPQ KBC 4286	8 năm	9. 6. 88	3. 7. 88	8K4
02	Trần Huỳnh Tấn	8. 10. 45	20. 5. 68	65/526285	-"-	-"-	TĐ 21 SĐ 21 BB	7 năm	29. 6. 88	-"-	8K3
03	Đỗ Hữu Lâm	37	10. 6. 60	59/127684	-"-	Ty Ban 4	[illegible] Thuận	6 năm 4 tháng	6. 6. 88	-"-	8K3

1/2

DANH SÁCH ... NAM ... THAD

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Ngày nhập ngũ	Số quân	Cấp bậc	Chức vụ	Đơn vị cuối cùng	Thời gian tại	Đến Thailand	[illegible]	[illegible]
1	Lưu [illegible]	THÀNH	06.11.19[illegible]	0[illegible].06.1964	44/176.806	Đại úy	Tiểu đoàn phó	TĐ.456/ĐPQ - KBC 4.286	06 Năm	09.06.88	03.07.88	8K4
2	Trần	TÂN	08.10.19[illegible]	[illegible].05.1968	65/526.285	-"-	-"-	TĐ2 - SĐ21 B.B	07 "	29.06.88	-nt-	8K3
3	Đỗ [illegible]	LÂM	1930	10.6.1960	50^A/127.634	-"-	Trưởng ban OH	Chi Khu Ninh Thuận	06N, 4 tháng	06.06.88	-nt-	8K3
4	Nguyễn	[illegible] CHÂU	1938	[illegible].10.1962	58/600.569	Thiếu tá	Chỉ Công	Sư đoàn 6 Không quân	11 Năm	09.06.88	-nt-	8K6
5	Vũ [illegible]	THỂNH	18.12.19[illegible]	[illegible].10.1964	44/194.576	Đại úy	Đ.Đội trưởng	ĐĐ2, TĐ511/ĐPQ. TK Long An	06 Năm	02.7.88	-nt-	8L2
6	Nguyễn	[illegible] NAM	17.[illegible].195[illegible]	[illegible].02.1972	70/147.863	Thiếu úy	Trưởng ban	TĐ102. Cấp bình Chiến đấu	03 Năm	-"-	-nt-	8J5
7	Trần	[illegible]HẠO	[illegible].02.1948	0[illegible]/1969	68/105.185	-"-	Tiểu đội trưởng	ĐĐ202/ĐPQ Cây Lấy tỉnh Tuyên	06 tháng	09.08.88	-nt-	8K4
8	Bùi [illegible]	KHÁNH	[illegible].[illegible].1953	15.09.1970	73/502.301	-"-	KT viên TA [illegible]	[illegible] KTĐĐ/PT / BTTM	04 Năm	02.07.88	-nt-	8K5
9	Đỗ [illegible]	TIẾN	03.0[illegible].1955	10.[illegible].1973	75/133.386	Trung sĩ	HSQ	[illegible] IC/HQTĐ 102 P 13CA	02 tháng	09.06.88	-nt-	8K4
10	Nguyễn	HÙNG	0[illegible].[illegible].1955	[illegible].1972	75/133.638	Khóa sinh		K.sinh HSQ. TTHL Q.Trung	03 ngày	02.7.88	-nt-	8L2
11	Nguyễn	[illegible] TRUNG	1955	05/1973	75/502.185	B1	Y tá	TĐ 32 - L.Đoàn 07 BĐQ	03 ngày	09.06.88	-nt-	8J1
12	Lưu	HẢI	1953	07/71	73/126.756	B1	Tài xế	L.Đoàn An ninh danh dự PTT	05 ngày	29.06.88	-nt-	8L1
13	Nguyễn	[illegible] ĐỨC	1955	1973	75/129.124	B2	Khinh binh	L.Đoàn 81. B.Kích dù. ĐĐ2 XK	07 năm	09.06.88	-nt-	8K4
14	Nguyễn	[illegible] HIẾU	04.03.1956	20.10.1974	76/6671	B2	-nt-	TĐ 1/16. SĐ 9 BB	03 tháng	02.07.88	-nt-	8L6
15	Trần [illegible]	[illegible] BÌNH	07.08.1950	[illegible].1965	/	CBXDNT	Rửa Kích [illegible]	CBXDNT	12 Năm	-"-	-nt-	8J5
16	Nguyễn	[illegible] CANG	25.12.1948	[illegible].10.1971	/	CB	CB.T.Tin chiến [illegible]	CB.T.T. CH JK Long Khánh	04 Năm	-"-	-nt-	8J5
17	Nguyễn	[illegible] AN	10.10.195[illegible]	1971	/	/	Thợ điện	Lục quân công xưởng	05 năm	-"-	-nt-	8L2
18	Phạm	[illegible] MIÙC	20.05.19[illegible]	1970	65/137.590	Tr.úy Dược sĩ	Trưởng Toán Ngân hàng máu	BV04 DÃ CHIẾN B.DƯƠNG	02 Năm 06 tháng	15.01.88 (Klong Yai)	25.5.1988	1E3

Ngô Sửu

DANH SÁCH CON CỰU QUÂN NHÂN - CÔNG CHỨC - CẢNH SÁT VNCH
VƯỢT BIÊN ĐƯỜNG BIỂN ĐANG Ở TRẠI TỴ NẠN VIỆT NAM BANTHAD - THÁI LAND.

BANTHAD ②

SỐ THỨ TỰ	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH / SỐ QUÂN	NƠI SINH / CẤP BẬC	NGÀY ĐẾN BANTHAD / CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CUỐI CÙNG	THỜI GIAN CẢI TẠO	CƯỚC CHÚ
01	LƯU HỮU TRÍ	10.01-1972	VĨNH LONG	28-05-1988	KIẾN HÒA - BẾN TRE	7 NGÀY.	
CHA.	LƯU QUANG NHỰT		THIẾU ÚY CẢNH SÁT QG.				
02	PHAN KHÔI	10-10-1961	BÌNH ĐỊNH	28-05-1988		7 NĂM.	
CHA	PHAN SÂM		TRUNG ÚY CẢNH SÁT QG	THẨM SÁT VIÊN TY BÌNH ĐỊNH	Q. QUI NHƠN - BÌNH ĐỊNH		
03	NGUYỄN TRUNG DŨNG	21-6-1970.	GIA ĐỊNH	28-05-1988			
CHA	NGUYỄN VĂN DẦN	69/126466 LMB					
04	PHAN BÍCH THỦY.	01-8-1960	SÀI GÒN.	28-5-1988	TY CẢNH SÁT QUỐC GIA Q6	3 THÁNG	-
CHA	PHAN VĂN HẢO.	39372					
05	LÊ THỊ OANH	19-01-1964.	SÀI GÒN	28-5-1988	QUẢN TRỊ TRUNG ƯƠNG (ĐPQ-NQ)		
CHA	LÊ CÔNG QUẬN	43/173-062	TRUNG SĨ.				
06	BÙI HUY PHONG	28-04-1969	LONG KHÁNH	28.05.1988	TY AN NINH QUÂN ĐỘI SADEC	6 THÁNG	SỐ IV # 040010.
CHA	BÙI KIM PHƯỚC	65/513.196	THƯỢNG SĨ I				
07	LÊ KHÔI NGUYÊN.	26-4-1975	SÀI GÒN.	28-05-1988	QUẢN TRỊ TRUNG ƯƠNG (ĐPQ-NQ)		
CHA	LÊ CÔNG QUẬN.	43/173.062	TRUNG SĨ.				
08	NGUYỄN THANH SƠN.	8-9-1962	KIẾN HÒA (BẾN TRE)	28-05-1988.		5 NĂM.	
CHA	NGUYỄN VĂN CÁT			QUYỀN CHỦ TỊCH HĐ KIẾN HÒA.			
09	BÙI PHI NGA.	11-01-1964	TIỀN GIANG.	28-05-1988	LỤC QUÂN CÔNG XƯỞNG CC LONG BÌNH	2 NĂM	IV # 528784 VEWL # 018175
CHA.	BÙI THIỆN TƯỞNG.	43A-101698	THIẾU TÁ.				
10	CẦN QUỐC DŨNG	9-07-1960.	SÀI GÒN.	28-05-1988.	TRUNG ĐOÀN 42 BB, SƯ ĐOÀN 22 KBC 4842	3 NGÀY	
CHA	CẦN VĂN ĐỆ	52/304198	CHUẨN ÚY	SĨ QUAN PHÁT HƯỚNG VIÊN			

11	ĐỖ ĐỨC LÝ	08 - 11 - 1971	SAIGON	28 - 05 - 1988		
CHA	ĐỖ ĐÌNH KHẢI	334 634				
12	BÙI TRẦN THẾ	21 - 03 - 1968	SAIGON	28 - 05 - 1988		
CHA	BÙI ĐẮC KHẢI		GIÁM ĐỐC NH. PHÁT TRIỂN TỈNH QUẢNG TÍN		NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TỈNH QUẢNG TÍN	
13	LÊ NGOAN TRANG	22 - 01 - 1973	SAIGON	19 - 05 - 1988		
CHA	LÊ CÔNG QUẢN	43/173 - 062	TRUNG SĨ		QUẢNG TRỊ TRUNG ƯƠNG (BPQ - NQ)	
14	NGUYỄN THỊ KIM CHI	1958	ĐÀ NẴNG	01 - 06 - 1988		
CHA	NGUYỄN XUÂN OANH	48/103827	HẠ SĨ QUÂN Y BINH CHỦNG DÙ	Y TÁ QUÂN Y	TIỂU ĐOÀN 8 NHẢY DÙ TRẠI HOÀNG HOA THÁM	
15	NGUYỄN LƯU KIM THANH	18 - 06 - 1962	SAIGON	25 - 05 - 1988		
CHA	NGUYỄN ĐÌNH CẦN			BIỆN LÝ TÒA ÁN SƠ THẨM BÌNH TUY		7 NĂM
16	TRẦN CÔNG TÂM	6 - 03 - 1967	BÌNH TUY	28 - 05 - 1988		
CHA	TRẦN CÔNG NHI	60/131.279	TRUNG SĨ	HỌA VIÊN	PHÒNG 3 TỔNG THAM MƯU QLVNCH	
17	~~ĐÀM~~ ĐÀM THU HỢP	24 - 05 - 1956	SAIGON	19 - 05 - 1988		7 NĂM
CHA	ĐÀM KINH	43/300 - 296	THIẾU TÁ / HD			
18	THƯỜNG THẾ HIỀN	01 - 09 - 1964	TRẢNG BÀNG - TÂY NINH	28 - 05 - 1988		
CHA	THƯỜNG VĂN RỦA	NQ /308421	TRUNG ĐỘI TRƯỞNG - NGHĨA QUÂN	TRUNG ĐỘI TRƯỞNG	HNG/5B CKTB (CHI KHU TRẢNG BÀNG)	7 NGÀY
19	VŨ BÁ CƯỜNG	30 - 01 - 1967	BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI	25 - 05 - 1988		
CHA	VŨ BÁ YẾN	59/600.492	THƯỢNG SĨ		PHÒNG 4 THUỘC SƯ ĐOÀN 5 BỘ BINH	3 NGÀY
20	NGUYỄN VĂN LỢI	13 - 02 - 1972	SAIGON	25 - 05 - 1988		
CHA	NGUYỄN VĂN QUÝ	47/301 - 721	THIẾU ÚY	TRƯỞNG BAN NHÂN VIÊN	TIỂU ĐOÀN 5 QUÂN CẢNH	2 NĂM 6 THÁNG
21	NGUYỄN VĂN SANG	03.05 - 1964	CỬU LONG	25 - 05 - 1988		
CHA	NGUYỄN VĂN TỬ					

22 CHA	TRẦN CÔNG TÂM TRẦN CÔNG NHỈ	06-03-1967 60/131.279	BÌNH TUY TRUNG SĨ	HOA VIÊN PHÒNG 3	PHÒNG 3 TỔNG THAM MƯU QLVNCH		
23 CHA	NGUYỄN THỊNH VỌNG HÀ NGUYỄN THANH VỌNG	29-09-1962	SAIGON ĐẠI ÚY	19-05-1988 TRƯỞNG PHÒNG CỤC QUÂN CỤ	BỘ TỔNG THAM MƯU	7 NĂM	IV 204.401
24 CHA	NGUYỄN MINH HẢI NGUYỄN VĂN TRÍ	26-11-1966	MỸ THO TRUNG TÁ	PHÓ PHÒNG 6 - QUÂN ĐOÀN 4	PHÒNG 6 QUÂN KHU 4	7 NĂM	
25 CHA	HUỲNH VĂN HẬU HUỲNH VĂN TỬ	30-01-1960 51/137.964	PHONG DINH	28-05-1988	LIÊN ĐOÀN 64 YỂM TRỢ TRUYỀN TIN QUÂN KHU 4	TỬ TRẬN	
26 27 CHA	VŨ ĐỨC NINH VŨ ĐỨC VINH VŨ THIÊN CHÍNH	10-6-1954 08-3-1964 51/308748		28-05-1988 28-05-1988	2 TRƯỞNG BỘ ~~TRUNG~~ BINH THỦ ĐỨC		
28 29 CHA	PHẠM QUANG ~~TUYẾN~~ VINH PHẠM CAO THẮNG PHẠM QUANG TUYẾN	13-10-1969 4-10-1973 37/080171	SAIGON SAIGON THƯỢNG SĨ I/ĐPQ	28-05-1988 28-05-1988	TRUNG TÂM ĐIỆN TOÁN N/V BTTM KBC 3888		
30 CHA	NGÔ THỊ THANH TÂM NGÔ THANH NHỎN		CHUẨN ÚY HẢI QUÂN				
31 CHA	NGUYỄN HOÀNG KIM HIẾU NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	10-12-1964 45/247117	SAIGON TRUNG ÚY	19-05-1988 ĐẠI ĐỘI PHÓ		7 NĂM	
32 CHỒNG	PHẠM THỊ ANH NGUYỄN VĂN HẢI	1934	PHƯỚC HẢI BÀ RỊA TRUNG TÁ	14-05-1988 TRƯỞNG TY AN NINH QUÂN ĐỘI TỈNH VĨNH LONG		6/1975 đến nay	
33 CHA MẸ	TRẦN HUY HẢI TRẦN HUY TRÁNG NGUYỄN THỊ MẾN	23-4-1958	LONG ~~THỊ~~ AN	14-05-1988 CÔNG CHỨC TY KIẾN THIẾT LONG AN N/V VIỆN TRỢ HOA KỲ TỈNH LONG AN			
34 CHA	PHẠM QUANG HUY PHẠM VĂN HIỀN	01-09-196 64/141842	SAIGON ĐẠI ÚY	14-05-1988 TRƯỞNG BAN 2 HUYỆN CẦN GIỜ ĐẶC KHU RỪNG SÁT			

35 CHA	PHẠM HOÀNG CƯỜNG PHẠM VĂN HUYỀN	10-10-1971 189044 KBC 4182	LONG AN HẠ SĨ NHẤT	14-05-1988 SƯ ĐOÀN 7 BỘ BINH TIỂU ĐOÀN 30 CHIẾN TRANH CHÍNH TRỊ			
36 CHA	NGÔ THỊ THANH TÂM NGÔ THANH NHỎN		CHUẨN ÚY HẢI QUÂN	14-05-1988			
37	TRẦN VĂN TỞ	02-01-1954 74/506445	NINH BÌNH - BẮC VIỆT HẠ SĨ QUAN TRỪ BỊ	14-05-1988			
38 CHA	NGUYỄN THANH CẨN NGUYỄN VĂN CÔN	02-01-1960	NGHĨA QUÂN HUYỆN BÌNH PHƯỚC TỈNH LONG AN	14-05-1988		TỬ TRẬN 1964	
39 CHA	DƯƠNG TIỂU LONG DƯƠNG GIÁO	10.06.1963 189792	QUẢNG NGÃI	14.05.1988	NQ - CK Q BÌNH SƠN .TK QUẢNG NGÃI	6th.	
40 CHA	BÙI NGỌC LINH BÙI NGỌC LỢI	15.04.1969 54/600 242	SÀI GÒN THƯỢNG SĨ	19.05.1988 SO5 KQ. LPDIVT.			
41 CHA	SƠN XOM SƠN PHANH	27.10.1960 177 878	XÃ CHÂU HƯNG BÌNH I	01.06.1988	TĐ 2/14		
42 CHA	NGUYỄN VĂN TRUNG NGUYỄN TRUNG TÍN	02.05.1972 707.764	SÀI GÒN HẠ SĨ I.	01.05.1988 TIỂU ĐỘI PHÓ. ĐPQ	ĐỊA PHƯƠNG QUÂN	3 mợ.	
43 CHA	HUỲNH VĂN TẬU HUỲNH VĂN TỪ	30.01.1960 51/137964	PHONG ĐINH TRUNG SĨ I.	01.06.1988	LĐ 64 YỂM TRỢ TRUYỀN TIN		USCC 33893 IV# 524650
44 CHA	LÊ MINH MẪN LÊ VĂN SỬ	01.05.1961 56/131 414	VŨNG TÀU ĐẠI ÚY	28.05.1988 TRP. TIẾP LIỆU ÂM NHẠC	TR. ÂM NHẠC THỦ ĐỨC	3n	USCC 5071 IV# 526287
45 CHA	TÔ TRẦN ANH TUẤN TÔ NGỌC MINH	12.04.1969 64/157833	XUÂN LỘC CHUẨN ÚY	28.05.1988 NHÂN VIÊN QUẢNG TRỊ	SĐ 1888	3n	IV# 132587.
46 CHA	DƯƠNG TUYẾT TRINH DƯƠNG VĂN PHƯỚC	18.10.1973	SÀI GÒN	28.05.1988 NHÂN VIÊN	SỞ NGOẠI KIỀU		

47	HỒ CỬN MUI	1954	THUẬN HẢI	28.05.1988			
CHA	HỒ HÊNH LỒNG				SĐ5 BB		GIẢI NGŨ: 1968.
48	ĐỖ THỊ KHUYÊN	14.08.1959	ĐỊNH TRỊ THIÊN	28.05.1988.			
CHA	ĐỖ HUY	71012.	TRUNG SĨ	CƠ ĐỘI	BCH/TV QUẢNG NGÃI KBC 6087.		Tử trận năm 1965
49	NGUYỄN ĐỖ THY THY	24.09.1982.	SÀI GÒN	28.05.1988			
CHA	NGUYỄN THANH	72/211647.	THIẾU ÚY	ĐĐ TRƯỞNG	TĐ 3/4 SĐ 2 BB	1n	
50	CÙ THỊ PHƯỢNG MAI.	20.08.1958.	GIA ĐỊNH	28.05.1988.			
CHỒNG	TRẦN VĂN HIẾU		TRUNG SĨ I		TĐ 20 CTCT QĐ II PLEIKU	3ng.	
51	ĐOÀN THANH LỢI	20.11.1958.	SÀI GÒN.	28.05.1988.			
CHA	ĐOÀN THANH DŨNG	54/105476	THIẾU TÁ.	TRƯỞNG BAN.	BAN [illegible]	8n.	IV # 033652
52	Phan Nguyễn Đăng KHOA	23.01.1970	Saigon	25.05.1988			
53	Phan Nguyễn Nhã Uyên	28.12.1972	Saigon	25.05.1988			13881 Merello St. Garden Grove, CA. 92643 USA.
cha	Phan Văn Hân		Trung úy	Phương Tuồng	Quận 6 ĐT. Saigon	4 năm	GRT 154/12.9.1985
54	Nguyễn Anh Trường Sơn	21.01.1975	Đồng Tháp	14.05.1988.			
Cha	Nguyễn Anh Lê	58/105289.	Thiếu Tá	Sĩ quan phụ tá hành quân kiêm trưởng ban II	TĐ 16 SĐ 9 BB [illegible]	[illegible] 2th.	IV# 55263.
55	Nguyễn Hữu Thanh Vân	09.01.1966.	Ya Tức	10 - 05.1988			
56	Nguyễn Hữu Thùy Viên	18.09.1969	Sài Gòn	— " —			
57	Nguyễn Hữu Kim Vui	16.12.1970.	— " —	— " —			
Cha	Nguyễn Hữu Văn	63/186540	Trung úy	phụ tá trưởng phòng	nhân viên [illegible] KBC 4388	2n 2th	
58	Nguyễn Phước Trung	03.09.1972	Sài Gòn.	19.05.1988			
Cha	Nguyễn Phước Tiếng	55/102106	Thượng sĩ I		Tổng nha quân nhu Bộ quốc phòng		
59	Vũ Ngọc Hải	08.01.1963	Đà Nẵng	07.05.1988.			
Cha	Vũ Văn Đạt	54/304166	Trung sĩ I			3th +ng	

DANH SÁCH CON CỰU QUÂN NHÂN - CÔNG CHỨC - CẢNH SÁT VNCH
Việt Biên Đường Biển đang ở tại Trại tỵ nạn Việt Nam BANTHAD - THÁILAND.

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH / SỐ QUÂN	NƠI SINH / CẤP BẬC	NGÀY ĐẾN BANTHAD / CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CUỐI CÙNG	Thời gian Cải Tạo	
1.	PHAN MINH TUẤN	25.02.1968	Sài gòn	13.06.1988			
Cha	PHAN VĂN THỨC	58/118662	Trung sĩ		Trung tâm quản trị Trung ương		
2.	NGUYỄN QUỐC HÙNG	20.10.1957	Gia định	13.06.1988			
Cha	NGUYỄN VĂN SÁU	60/807075	Hạ sĩ			5 ngày	
3	LÊ TRỌNG ĐẠI	1951	Kiên giang	13.06.1988			
Cha	LÊ VĂN VINH	58A 701169	Hạ sĩ		TTHC/HQ/TS	13 ngày.	
4.	PHAN TRẦN NHƯ LAN	14.02.1974	Kiên giang	13.06.1988			
Cha	PHAN NHƯ KIM	65A 702175	Trung sĩ I	phụ tá trưởng [illegible]	Trung tâm Hành chánh Hải quân		
5.	VŨ QUỐC VƯỢNG	02.10.1968	Saigon	14.06.1988			Mr Donald I. Colin, 131 Soi
Chả	VŨ QUỐC ĐOÀN	100946	Trung sĩ		Tiểu đoàn [illegible] Tiếp vận	30 ngày	Tiên Sang, Sathorn tai road, Bangkok 10120 Thailand
6	CHU TỬ THẮNG	31.08.1971	Đà lạt	13.06.1988			
Cha	CHU TỬ CƯỜNG			phó Quận trưởng	Quận Thuận Hòa, Ba xuyên	5 năm	IV: 506861.
7.	NGUYỄN VĂN DŨNG	1973	Hậu giang	13.06.1988			
Cha	NGUYỄN VĂN CỦA	819361		phụ tá phó trưởng ấp	Tân Thạnh. Ba xuyên	2 tháng.	
8.	THÁI VĨNH THỤY	10.12.1972	Cần Thơ	13.06.1988			
Cha	THÁI CHI		Thiếu úy			4 tháng.	
9.	TRẦN THỊ KIM PHỤNG	20.11.1966	An xuyên	13.06.1988			
Cha	TRẦN VĂN TƯ			Chủ sự phòng.	Tòa Hành Chánh An Xuyên	3 ngày.	
10.	LƯƠNG THỊ THU CÚC	10.06.1964	An Xuyên	13.06.1988			
Cha	LƯƠNG VĂN ĐẨU		Thiếu úy	Trưởng cuộc Cảnh sát	Xã Viên An - An xuyên	7 năm.	
11	HÀ VĂN HẢI	5.7.1964	Thừa Thiên	13.06.1988			
Cha	HÀ VĂN THÌN	61/214670	Hạ sĩ I	Lái xe	Đại đội [illegible]	5 tháng.	
12	NGUYỄN A	17-9-1963	Thừa Thiên	13.06.1988			
Cha	NGUYỄN CHINH	41/295624	Hạ sĩ		Đơn vị I - Quản trị	3 tháng	
13.	MAI HẢI BẰNG	26.4.1965	Sài gòn	17.6.1988			Chết năm 1981
Cha	MAI VĂN THUẬT		Đại úy	Quận trưởng	Quận [illegible] - Quảng Ngãi		

14	MAI NGUYỆT ANH	28.02.1969	Saigon	17.06.1988			
cha	~~MAI VĂN THUẬT~~		~~Đại úy~~	~~Quận Trưởng~~	Quận Sơn Hà . Quảng Ngãi		~~Chết năm~~ 1971.
15	MAI THỊ LAN PHƯƠNG	11.09.1955	Khánh Hòa	17.06.1988			
cha	MAI VĂN THUẬT		Đại úy	Quận trưởng	Quận Sơn Hà - Quảng Ngãi		Chết năm 1971.
16	NGUYỄN NGỌC CHÂU	1967	Rạch giá	13.06.1988			
cha	NGUYỄN VĂN TY	187.945	Trung sĩ		403 BCH/ĐPQ		
17	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	21.10.1955	Nha Trang	16.4.1988			
cha	NGUYỄN XUÂN ĐOÀN		Trật 10, Bậc 8	Trưởng toán	Ty Trung Tâm hỏa xa Sài gòn		
18	NGUYỄN THỊ THIÊN HƯƠNG	11.02.1976	Saigon	13.08.1988			
Cha	NGUYỄN VĂN THẮNG		Trung sĩ		Sư đoàn 5 Chủng quân	3 ngày.	
19	NGUYỄN TRÍ THANH	10.11.1973	Saigon	13.06.1988			
Cha	NGUYỄN VĂN TRINH	119301	Hạ sĩ I		Tiểu đoàn I pháo Binh - Sư đoàn Dù	3 ngày	
20	NGUYỄN THỊ KHÁNH LOAN	25.09.1978	Sài gòn	13.06.1988			
Cha	NGUYỄN VĂN THỨC		Trung sĩ		Tiểu đoàn yểm trợ - SĐ Dù	3 ngày	
21	NGUYỄN VĂN HƯNG	22.04.1964	An giang	17.06.1988			
Cha	NGUYỄN THANH TÌNH			Xã trưởng	Bình phước Xuân Chợ mới - An giang	2 năm	
22	ĐỖ THỊ HƯƠNG THẢO	06.06.1962	Đà nẵng	17.06.1988			
cha	ĐỖ KIM CHÂU		Đại úy			2 năm	
23	LÊ VĂN ĐOÀN	1956	Cà mau	13.06.1988			
24	LÊ VĂN TOÀN	1963	Gia định	13.06.1988			
cha	LÊ VĂN THÔNG		Thượng sĩ I		Trung tâm yểm trợ tiếp vận Long An		
25	CHÂU LONG QUANG	5.5.1965	Sài gòn	18.06.1988			
Mẹ	VŨ THỊ MINH PHƯƠNG			Đầu bếp	Đức Hotel, Trần quí Cáp Sài gòn		Chết 1984.
26	NGUYỄN VĂN DŨNG	01.01.1964	Quảng ngãi	17.06.1988			
Cha	NGUYỄN VĂN BÉ		Hạ sĩ nhất		Đại đội 423 - Sư Đoàn 2		Tử trận 1972.
27	~~NGUYỄN~~ THỊ TUYẾT VÂN	31.3.1974		13.06.1988			
28	NGUYỄN BẢO TOÀN	1.5.1976		13.06.1988			
Cha	NGUYỄN VĂN CHUNG		Trung sĩ I	Nhân viên		7 ngày	
29	VŨ VIẾT TẤN	1966	Kiên giang	17.06.1988			
Cha	VŨ VIẾT RỈNH	45/178030	Hạ sĩ		Tiểu đoàn 332	2 năm	
30	ĐINH THỊ KIM BÌNH	12.03.1972	Kiên giang	13.06.1988			
Cha	ĐINH VIẾT MIÊN	52/636647					
31	TRẦN QUỐC CƯỜNG	6.07.1980	Kiên giang	13.06.88			
Cha	TRẦN TRỌNG CẢO	62/501892	Trung sĩ	y tá	Phòng tuyên úy công giáo		

32	NGUYỄN QUỐC THẮNG	1972	Kênh 5A	17.06.1988			
Cha	NGUYỄN XUÂN LUẬT	300580	Hạ sĩ			c	
33	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	1958	Cửu Long	13.06.1988			
Cha	NGUYỄN VĂN MÃO			Trưởng ấp		7 ngày	
34	TRẦN THỊ NGỌC TRÂN	1975		13.06.1988			
Cha	TRẦN VĂN THẢO	74/109372	Hạ sĩ		TĐ 3 - LĐ 31 - BĐQ	7 ngày	
35	NGUYỄN ĐỨC TRÍ	1972	Gia định	17.06.1988			
Cha	NGUYỄN VĂN SỬU	59/155150	Hạ sĩ			30 ngày	
36	DANH THỊ NGỌC ANH	1964	Kiên giang	13.6.1988			
37.	DANH SA CHỞI	19.06.1968	Kiên giang	-nt-			
Cha	DANH PRAD			tiểu đội phó	Tô Châu - Hà Tiên		
38	PHAN VĂN TÂM	1969	Thạnh Đông	18.06.1988			
Cha	PHAN VIẾT CHÍNH		Hạ sĩ I	phụ tá tác xạ	Tiểu đoàn 67 - Pháo binh	45 ngày	
39	TRỊNH QUỐC VIỆT	1971	Kiên giang	17.06.1988			
Cha	TRỊNH XUÂN MAI	230330	Trung sĩ		Đại đội 169		phế binh loại 3.
40	TRẦN ĐÌNH LƯỢNG	20.11.1964	Kiên giang	17.06.1988			
Cha	TRẦN ĐÌNH LẠC	42/350150	Binh 1		Đại đội 169		Tử trận 1968
41	VŨ NGỌC HÙNG	29.02.1957	Phước Tuy	17.06.1988			chết.
Cha	VŨ ĐÌNH ĐẠI						
42	LƯƠNG THỊ THU CÚC	10.06.1964	An xuyên	16.04.1988			
Cha	LƯƠNG VĂN ĐẢO		Thiếu úy		Xã viên cơn - An xuyên	7 năm	
43	NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG	1976	Rạch giá	17.06.1988			
44	NGUYỄN THỊ KIM HỒNG THỦY	1978	-nt-	-nt-			
45	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	1980	-nt-	-nt-			
46	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	1982	-nt-	-nt-			
47.	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	1987	-nt-	-nt-			
Cha	NGUYỄN VĂN ĐIỀM	67/514262	Binh nhì				
48	TRẦN MINH NGỌC DIỄM	22.03.1984	Sài gòn	17.06.1988			
49	TRẦN MINH NGỌC ĐĂNG	20.9.1986	-nt-	-nt-	Bộ Chỉ huy Tuyến NHÀ BÈ Sgòn	81 tháng	IV: 93.180.
Cha	TRẦN MINH HỒNG	152.183	Thiếu úy	phụ tá			
50	PHAN NGỌC CHIẾN	1967	Kiên giang	17.4.1988			
51	PHAN THỊ HIỀN	1973		-nt-			
52	PHAN VĨNH SANG	1984		-nt-			

Cha	PHAN VĂN VĂN					1 tháng	
53	NGUYỄN THỊ YẾN NGA	9.05.1968	Bình Trị Thiên	17.06.1988			
54	NGUYỄN THỊ MINH TRÂM	1973	-nt-	-nt-			
Cha	NGUYỄN VĂN BƯỞI	64/600701	Trung sĩ			15 ngày	giải ngũ 1972
55	TRẦN VĂN TỈNH	10.11.1969	Thừa Thiên	13.06.1988			
Cha	TRẦN VĂN LIÊN			Cán bộ XD nông thôn			
56	CÁI VĂN DŨNG	01.01.1955	Thừa Thiên	16.04.1985			
Cha	CÁI VIÊN	3722 BCH/CSQG	phó Thẩm sát viên	Cuộc phó	Cuộc Thủy xuân - Thừa Thiên	2 năm	
57	NGUYỄN QUỐC KHANH	20.04.1970	Kiên giang	13.06.1988			
Cha	NGUYỄN VĂN KHẢI	47/430566	Hạ sĩ 1	Tiểu đội Trưởng	ĐĐ 162/ĐPQ		
58	PHAN THỊ XUÂN THU	1968	Kiên giang	13.06.1988			
Cha	PHAN VĂN CAO			phó đội trưởng			
59	NGUYỄN VĂN KỲ	20.08.1964	Kiên giang	13.06.1988			
60	NGUYỄN VĂN KỲ	1962	-nt-	-nt-			
Cha	NGUYỄN VĂN CHỈNH		Hạ sĩ I		Bảo chính đoàn		
61	ĐỖ THỊ KIM THOA	16/01.1968		13.06.88			
62	ĐỖ VIỆT THANH	19.05.1973	Tân sơn nhì	13.06.88			
63.	ĐỖ ĐÌNH RƯ	12.01.1969	Gò vấp - Sgòn	-nt-			
Cha	ĐỖ VĂN TUẤT	58/158178	Hạ sĩ I	phụ thủ kho	Tổng kho Long Bình	9 ngày	
64	PHAN THU	02.02.1967	Sgòn	13.06.88			
Cha	PHAN HỮU THƯỜNG	56/801273	Binh I	Chuyên viên thiếp bản	Lục quân Công xưởng	3 ngày	
65	LÝ THANH TÂM	08.06.1965	Thủ Đức	13.06.1988			
Cha	TRẦN CHƯƠNG	225508-1		Tim Keeping office	Company RMK		
66	LỘC THỊ THU VÂN	20.09.1962	Vĩnh xương	13.06.1988			
Cha	LỘC VĂN TOÀN	51/303101	Trung sĩ		Tiểu đoàn 4/31, SĐ 21 BB		
67	HUỲNH THANH KIẾM	7.8.1965	Thủ Đức	13.06.1988			
Cha	HUỲNH VĂN PHỤNG	65/162	Trung sĩ 1	Nhân viên Ban 2	Chi khu Thủ Đức		Tử trận
Mẹ	LÊ THỊ MINH TÂM				Biệt đoàn Cảnh sát lưu thủ KII - Sgòn	2 ngày	
68	DANH NHƯỜNG	13.02.1960	Kiên giang	13.06.1988			
69	DANH THỊ XÀ RY	19.05.1969	-nt-	-nt-			
70	DANH THANH BẠCH	1974	-nt-	-nt-			
Cha	DANH SƯỜNG			phụ tá quản trị	Cuộc Kiên An	2 năm 3 tháng	Sau tham gia LM Phục quốc bị bắt lần thứ 2 & cải tạo thêm 9 năm nữa

71	Nguyễn Thị Thu Thảo	20 - 1 - 1972	Biên Hòa	13 - 6 - 1988			
cha	Nguyễn Chí An	70/155.763	Binh II		Tiểu Đoàn II / Liên Đoàn 22		
72	Bùi Phi Long	1958	Buôn Mê Thuột	13 - 6 - 1988			
cha	Bùi Văn Quyết	27/001837	Thượng Sĩ I		Ti cửu chuẩn binh Sư đoàn	1 năm	
73	Bùi Phi Hổ	20 - 4 - 1964	Sài gòn	13 - 6 - 1988			
74	Nguyễn Thị Diệu Hường	5 - 11 - 1965	Thái Nhi	12 - 6 - 1988			
cha	Nguyễn Viết Huy	55/107391	Trung Sĩ I		Đồng tại Long Xuyên	1 năm	
75	Châu Ngọc Biên	1 - 12 - 1957					
cha	Châu Nghĩa	47/100.091	Trung tá		Trường ... Toàn Đức		
76	Nguyễn Thị Thùy Nhung	19 - 5 - 1963	Cần Thơ	17 - 6 - 88			
cha	Nguyễn Thành Tới		Trung tá		Tiểu Đoàn 535 Vĩnh Long - Giang 1975 đến 1983		
77	Lê Xuân Cường	6 - 1 - 1973	Đồng Nai	18 - 4 - 1988			
cha	Lê Xuân Anh		Đại úy			27 Tháng	
78	Phan Thị Phương Huyền	29 - 8 - 1967	Sài gòn	17 - 6 - 1988			
cha	Phan Văn Quang		Thượng Sĩ I			Mất Tích	(chết)
79	Đào Đình Phương	4 - 11 - 1978	Quận 10	17 - 6 - 1988			
cha	Đào Đình Trịnh	71/148889	Chuẩn úy		Đại Đội I T.Đoàn 507 Liên đoàn 906	3 ngày	
80	Trần Bá Hiền	2 - 8 - 1961		17 - 6 - 1988			
cha	Trần Bá Tùng		Kiểm tư K. Lâm		Ty Thủy Lâm Thừa Thiên Huế	3 Tháng	
81	Lê Hoàng Vân	2 - 5 - 1967	Hậu giang	17 - 6 - 88			
cha	Lê Văn Phát		Binh I				chết

82	Vũ thị Kim phương	5 - 7 - 1965	Tân thái Sơn	16 - 4 - 1988			
83	Vũ viết thanh	5 - 8 - 1970	nguyễn Khoái	13 - 6 - 1988			
cha	Vũ Thư	51/121.512	Hạ Sĩ I			20 ngày	
84	Trần thị Thủy	1967	Quận giồng riềng	13 - 6 - 1988			
cha	Trần văn út	803410/KGG169	Tiểu Đội phó		Hiền Bình, Kiên giang	20 ngày	
85	lốc văn Tuấn	3 - 12 - 1966	vĩnh lộc bạc liêu	13 - 6 - 1988			
cha	lốc văn Tam	51/303.101	Trung sĩ		Tiểu đoàn 4/31 Sư đoàn 21 Bộ binh		
86	Hoàng ngọc phương	1964	Huế	17 - 6 - 1988			
87	Hoàng Thị Hoàng Quanh	1966	Quảng ngãi				
88	Hoàng Thị Mỹ linh	1967	Đà nẵng				
89	Hoàng Thị Mỹ ngọc	1978	Đồng nai				
90	Hoàng Kim Anh	1987	TP/HCM				
cha	Hoàng ngọc Tích		Đại úy		Đại Đội 22 vận Tải, Sư đoàn 22 bộ binh 2 năm.		
91	Nguyễn Hoàng Sơn	1 - 10 - 1969	Đà nẵng, Quảng nam	13 - 6 - 1988			
cha	Nguyễn Hoàng lâm				Quận Hiếu Đức, Tỉnh Quảng nam	10 năm	
92	Dương Thường	10 - 10 - 1962	Bình Trị Thiên	13 - 6 - 1988			
93	Dương Dinh	20 - 2 - 1969					
94	Dương Thị Tuyết	1 - 1 - 1971					
cha	Dương Thai	56/206.012	Hạ Sĩ		Đại đội 2. Tiểu đoàn 2 Sư đoàn 1	5 tháng	
95	Đặng Văn Thiết	15 - 1 - 1974	Tân Hoà. Hậu G	13 - 6 - 1988	TĐC An Ninh. Tiểu khu Kiến phong		
cha	Đặng văn Thìa	49/287862	Binh II				
96	Nguyễn Hoàng Nam	14 - 11 - 1971	Sài gòn	13 - 6 - 1988			
cha	Nguyễn Văn Sử		Trung Sĩ		Liên đoàn II Biệt Động Quân		
97.	Trần chiếu Anh	14 - 4 - 1973	Sài gòn	22 - 6 - 1988			
cha	Trần chiếu Quan	61/600961	Thiếu Tá		Bộ Tư lệnh Không Quân Tân Sơn nhất	9 năm 9 Tháng	IV: 060462 loi 016496

98	NGUYỄN TRẦN HÀ	01. 01. 1976	Lâm Đồng	13. 06. 1988			
Cha	NGUYỄN VĂN THỬ	61/110.974	Trung Sĩ	Phòng I Sư ĐS BB	Phòng I Sư Đoàn 5 bộ binh		Chết trong T.C.T
99	NGUYỄN NGỌC TÙNG	23. 05. 1970	Thủ Đức	13. 06. 1988			
Cha	NGUYỄN KIM QUANG	61/700 327	Hạ Sĩ	Tiểu đội phó	Đơn vị 3 quân [illegible]	3 ngày	
100	VŨ ĐÌNH HUY	22. 02. 1976	gia đình	13. 06. 1988			
Cha	VŨ ĐÌNH CỬ	66/509.805	Trung Sĩ		Tiểu Khu Phước Long	3 ngày	
101	VŨ TIẾN THỊNH	02. 08. 1972	SÀI GÒN	13. 06. 1988			
CHA	VŨ TIẾN	64/176 236	Trung Sĩ I	viện bl ngô quyền	Quê [illegible]	3 ngày	
102	NGUYỄN THỊ [illegible] QUẾ	1957	Gia đình	13. 06. 1988			
CHA	NGUYỄN VĂN QUÂN		Hạ Sĩ I		[illegible]		
103	PHẠM NHẬT VŨ	1987	Tân Hiệp	13. 06. 1988	Đại Đội 1 Tiểu Đoàn 418 / ĐPQ	7 ngày	
CHA	PHẠM HÙNG TUY	57. 872. 547	binh II				
104	NGUYỄN VĂN VINH	12. 09. 1964	Quảng Đức	13. 06. 1988			
CHA	NGUYỄN VĂN HẢI	56/411. 634	binh II		Quân y viện Quy Nhơn	3 ngày	Thương phế binh
105	ĐẶNG THỊ LỆ THANH	1962	Sài Gòn	13. 06. 1988.			
Cha	ĐẶNG PHẤN	56/809.568.	Hạ Sĩ I	Tái Sế	Tiểu Đoàn 253 bộ binh	3 ngày	
106	DƯƠNG THỊ LAN	31/1. 1953	Thủ Đức	13-06-1988.			
CHA.	DƯƠNG VĂN HƯỜNG		Trung Sĩ I		Trung tâm quản trị trung ương	3 ngày	
107	NGÔ THÁI SƠN	28. 2. 1970	Tân An	13. 06. 1988.			
CHA.	NGÔ PHƯỚC HIẾU		Đại Úy		Sư Đoàn 21 bộ binh	6 năm	
108	PHẠM THẾ BẢO	17. 8. 1968	Tân An	13-06-1988			
109	PHẠM THẾ VŨ	29. 06. 1970	Tân An	13. 06. 1988.			
CHA.	PHẠM BẢU SANH	NQ 817.670	Tiểu Đội phó	hội thủ xã	Hội Đồng xã giai Xuân	07 ngày	
110	PHẠM NGUYÊN ANH.	9. 2. 1971	Sài Gòn	13-06-1988.			
CHA.	PHẠM KIM PHẤN	61/11.0048	Đại Úy	y sĩ	Tổng y viện Cộng Hòa.	14 tháng	
111	ĐỖ THIỆN TIẾT	15. 6. 1964	SÀI GÒN	13-06-1988.			
112	ĐỖ THỊ THU HÀ	23. 1. 1963.	Sài Gòn	13. 06. 1988.			
CHA.	ĐỖ ĐĂNG KHOA.	64A 143280	Trung Úy		Liên Đoàn phòng vệ Tổng Thống		
113	HÀ TRẦN CHÚC VŨ	1969.	Tân Xuyên	13-06-1988			
CHA.	HÀ VĂN BÉ	102 153	Đại Úy.	nhập ngũ		29 tháng	
114	NGUYỄN HIẾU HỌC	31. 0. 1973.	SÀI GÒN.	13. 06. 1988.			
CHA.	VÕ VĂN HIẾU		Thiếu úy -	Cảnh Sát -	Trưởng Cảnh Sát quốc gia	3 ngày -	

115	PHẠM THỊ VINH	01 - 04 - 1960	Gia định	13 - 06 - 1988			
116	PHẠM VĂN HIỂN	12 - 03 - 1964.	Sài gòn.	-"-			
Cha	PHẠM VĂN BÌNH	28/067771	Trung sĩ I		ĐĐ3/361/ĐPQ	7 ngày	chết
117	LÊ HÙNG NGỌC	18 - 01 - 1955	Hải phòng	13 - 06 - 1988.			
118	PHẠM THỊ DUNG	16 - 06 - 1955	Sàigòn	13 - 06 - 1988.			
119	LÊ KÍNH LUÂN	11 - 07 - 1976	Saigòn	13 - 06 - 1988.			
120	LÊ HOÀNG YẾN	18 - 10 - 1977	Sàigòn	-"-	Liên đội an ninh danh dự BK (Huế) thủ đô		
Cha	LÊ ĐĂNG DOANH		Thiếu úy CSQG.	T.B/văn thư		5 năm 4 thg	
121	VŨ THỊ PHƯỢNG	09 - 10 - 1964	Mỹ tho	13 - 06 - 1988.			
Cha	VŨ ĐÌNH NGÔ	300.882	Trung sĩ I.		T.Đ 7 tiếp vận, Sư đoàn 7 BB.		
122.	NGUYỄN MINH HẢI	26 - 11 - 1966.	Mỹ tho	13 - 06 - 1988.			IV # 46523.
Cha	NGUYỄN VĂN TRÍ	49/118.772	Trung tá	P. PHÒNG 6. BTL	Quân đoàn 4, Quân khu IV	7 năm	
123	NGUYỄN NHỰT TÂN	23 - 04 - 1969.	Gia định	13 - 06 - 1988			IV # 111292 - USCC Ref # 68269.
Cha	NGUYỄN VĂN TÀI		Trung tá.	Quân y.	Quân đoàn 4.	5 năm	
124.	TRẦN THÁI TRUNG.	24 - 10 - 1973.	Mỹ tho.	13 - 06 - 1988.			
Cha	TRẦN THÁI SĨ	63/140.435.	Trung sĩ				
125	CAO VĂN PHÚ	12 - 11 - 1970.	Huế	12 - 06 - 1988			
126	CAO VĂN THÁI	02 - 11 - 1971	-"-	-"-	Đ.Đ. 606 ĐPQ đặc khu ĐN.		
Cha	CAO VĂN DŨNG	51/402763.	Binh nhì	Bảo vệ Sân bay ĐN			
127	CAO THỊ TỐ	1961	Huế	12 - 06 - 1988.			
Cha	CAO HUY	37/353 740.	Trung sĩ.		Đại đội 4/101 ĐPQ		Chết (21 - 03 - 1973)
128.	NGUYỄN NHÂN.	01 - 06 - 1968.	Thừa Thiên.	13 - 06 - 1988.			
Cha	NGUYỄN QUỲNH.	46/466.638.	Hạ sĩ.	yểm trợ tiếp vận	Tiểu khu Thừa Thiên.		
129	NGUYỄN TY.	01 - 12 - 1973.	Thừa Thiên.	13 - 06 - 1988.			
Cha	NGUYỄN THI.	72/207616.	Trung sĩ I.	Truyền tin	Tiểu đoàn 610 viễn thông thủ đô		
130	NGUYỄN ĐĂNG THUẬN	01 - 10 - 1967.	QN ĐN.	13 - 06 - 1988.			
Cha	NGUYỄN ĐĂNG KHỞI.	54/202529.	Thượng sĩ.	Mật mã viên		3 tháng	
131.	TRẦN THỊ TRINH	10 - 10 - 1961	Huế.	13 - 06 - 1988.			
Cha	TRẦN VĂN ĐE.	59^239.	Trung sĩ I.		Giang đoàn 32 xung phong Huế.		
132	TRẦN HÙNG QUANG.	02 - 07 - 1966		13 - 06 - 1988.			
Cha	TRẦN DỤC	119.203.	Trung sĩ I	Cảnh sát viên.	Cuộc Vinh hưng. Thừa Thiên.	4 năm	

133	NGUYỄN THỊ TỐ NGA	26-05-1968.	Thừa Thiên.	13-06-1988			
Cha	NGUYỄN HỮNG BANG.	42/134 180.	Đại úy	Chi Khu phó.	Chi khu Phong điền, T. Thừa Thiên	1 năm.	
134	NGUYỄN THỊ LỆ THUỶ.	18-11-1966.	Thừa Thiên.	13-06-1988.			
Cha	NGUYỄN LẠC				ĐĐ5. biệt đoàn 11CSDC		
135	NGUYỄN VĂN THANH.	10-10-1967.	Huế.	13-06-1988.			
Cha	NGUYỄN BÚA.	108.527.	Hạ sĩ.		biệt phái. phát triển nông thôn.		
136	LÊ VĂN HOÀNG.	01-01-1974.	Kiên giang	13-06-1988.			
Cha	LÊ VĂN HỒNG.	51/516.898.	Binh nhì.	Khinh binh.	4 QT KBC 4185		
137	VŨ TRỌNG VÂN.	29-12-1959.	Kiên giang.	13-06-1988.			
Cha	VŨ NGÔ.	86/187474.	Hạ sĩ.		ĐĐ HQ. TK. Kiên giang		Tử trận 22-06-1968
138.	NGUYỄN VĂN THANH.	25-06-1970.		13-06-1988.			
Cha	NGUYỄN VĂN LỘC	41/671.247.	Binh nhì.		Tiểu đoàn 814	10 ngày.	
139.	HÀ QUỐC TUẤN.	26-11-1971.	Thanh đông	13-06-1988			
Cha	HÀ ĐĂNG ĐỊNH.	73/602508.	Hạ sĩ.	Chuyên viên bảo trì.	phi đoàn 249 Chinook CH 47 K.QCT	13 ngày.	
140	LÊ PHÚ QUÝ.	25-06-1956.	Tây ninh.	13-06-1988			
141	LÊ HOÀNG BÁ.	03-12-1967.	-"-	-"-			
142	LÊ QUANG CHỪNG.	03-06-1963.	-"-	-"-			
Cha	LÊ QUANG LẠC		Trung sĩ I.		Ty CSQG Tây ninh	1 năm.	
143	NGUYỄN NGỌC TÂN	12-02-1967	Gia định	13-06-1988.	PACIFIC ARCHITECT & ENGINEERS, INC		
Cha	NGUYỄN NGỌC QUYẾT.	005825.		Thủ mộc	US ARMY SUPPORT COMMAND VN		
144	NGUYỄN TUẤN ANH.	20-10-1975.	Saigon	13-06-1988.			
Cha	NGUYỄN VĂN LỘC	67A 700268.	Trung sĩ.	nhân viên kho.	Hải quân công xưởng.	3 ngày.	
145	NGUYỄN HỮU CHÍNH.	15-10-1971.	Kiên giang.	13-06-1988.			
146	NGUYỄN TRƯỜNG AN.	18-9-1975.	-"-	-"-			
Cha	NGUYỄN VĂN TRÌNH	52/825836.	Trưởng ấp.	nghĩa quân viên.			Chết 8-4-1975
147	NGUYỄN HỮU ĐỘ.	14-08-1957	Sài gòn	13-06-1988.			
Cha	NGUYỄN VĂN XUÂN.		Trung sĩ I.	Thủ kho QT.	Sư 7/BB - TĐ 121 - ĐĐ CHCV.	3 ngày.	
148.	PHAN ĐÌNH QUANG.	09-05-1963.	pleicu.	13-06-1988			
Cha.	PHAN ĐÌNH HIỀN.			Trưởng phòng T.T.	Trung tâm dân vận chiêu hồi.	3 ngày.	bị bắt ngày 20-9-1981 tội chính trị. hiện ở trại cải tạo K3. Sông Bé:

149 cha	lê ngọc năm lê văn có	2 - 7 - 1965 53/506.530	Tỉnh phong dinh Binh I	17 - 6 - 1988	Tiểu đoàn 82 - 1 liên đoàn 3+	[illegible]	
150 cha	Nguyễn ngọc [illegible] Nguyễn văn minh	5 - 3 - 1968 146.125 KBC 4318	Tỉnh Kiếng giang binh I	17 - 6 - 1988			chết
151 cha	Trần chiếu Tuấn Anh Trần chiếu Quan	31 - 8 - 1970 61 - 600961	Sài gòn Thiếu Tá	22 - 6 - 1988	Bộ tư lệnh Không quân	9 năm	IV: 060462 loi 016496
152 cha	Bửu Phát Ưng Thanh	16 - 4 - 1957 44/201.363	TP Huế Thiếu Tá	13 - 6	Tiểu khu Thừa Thiên	5 năm	
153 cha	Trang Thị Mỹ loan Trang văn Sang	30 - 9 - 1965 37/209 52 K.B.C 4685	Sadec Trung sĩ	13 - 6 - 88	Đơn vị 4 Quân Y nhân viên	15 ngày	
154 cha	Cao Văn Trí Cao Văn Cầm	1968. 65/510868.	Long Xuyên. Thiếu Tá	19 . 05 . 1988			1980 Chết trong tù Long Xuyên
155 156 chồng cha	Nguyễn Thị Thu. Nguyễn Thị Ngọc Thảo Nguyễn Huế	12 . 4 . 1952 08 . 4 . 1972.	Phan Thiết " Binh II	19 . 05 . 1988. " Khinh binh	Đại đội 21 tiểu đoàn II		Tử trận ngày 17 - 2 . 75
157 Cha	Trần Thị Thu Thảo Trần Phúc	15 . 10 . 1968	Giarai . Kontum Trung sĩ I	19 - 05 - 1988 phó trưởng toán	B 15 Lối Rồi Kontum		Tử trận
158 Cha	Phương Hoàng Hà. Phương Hoàng Châu	16 - 10 - 1962	Vĩnh Bình Đại úy	19 . 05 . 1988 Đại đội trưởng	Đại đội 998 Chi khu Bảo Lộc		
159 Cha	Nguyễn Trí Tuấn. Nguyễn Trí Thái	02 - 12 - 1967.	Sài Gòn. Cán bộ cao cấp	19 - 05 - 1988 Trưởng ty tình báo	ANCTXH. (PHỦ ĐẶC ỦY TƯTB).		Hiện còn đang cải tạo
160 Cha	Trần Thị Phương Lam. Trần Văn Nghĩa.	14 - 04 - 1955 20/029778	Đà Nẵng Thiếu Tá	19 - 05 - 1988. Chỉ huy trưởng		giải ngũ 1970	XIN BẢO TRỢ.

161	PHAN ĐÌNH QUANG	09.05.1963	PLEIKU	13.06.1988			
CHA.	PHAN ĐÌNH HIỀN		bác lương	Trưởng Phòng Thông Tin	Trung tâm Trường Văn Chiếu		5 ngày
162	HỒ THỊ KIM LIÊN	1-12-1952	Thừa Thiên				
163	TRẦN THỊ TƯỜNG VÂN	18-5-1969	Sài Gòn	13-06-1988			
164	TRẦN HỒ TƯỜNG ANH	12-12-1975	Sài Gòn	13-06-1988			
CHA.	TRẦN ĐÌNH QUỲNH		THƯỢNG SĨ		Phi Đoàn 437 vận tải C130	3 ngày	
165	NGUYỄN VĂN ĐỒNG	29-3-1964	Kiên Giang	13.06.1988.			
CHA.	NGUYỄN VĂN LẮM	36-08937A	HẠ SĨ		Đơn vị A quản trị	1 Tháng	
166	Hoàng Kim Anh.	4-3-1976	Sài Gòn	13.06.1988.			
CHA.	HOÀNG VIỆT HÙNG	155663	quân viên		Chi Khu Vinh Lộc Thừa Thiên	3 Tháng	
167	TRỊNH THỊ SƠI	1962	KIÊN GIANG	13.06.1988.			
CHA.	TRỊNH VĂN CHẤN				NGHĨA QUÂN		
168	ĐINH VIẾT TOAN	1959	KIÊN GIANG	13.06.1988.	TIỂU ĐOÀN	1 NĂM	
CHA.	ĐINH VIẾT THOAN	530	TRUNG SĨ				
169	LÊ SONG THÀNH	12-2-1967	MỸ THỚI.	13.06.1988.			
CHA.	LÊ VĂN TIẾNG	2319861	Thợ máy.		HẢNG RMK. B.R.J. CT		
170	TRẦN THUY.	16.05.1988	Sài Gòn	14.05.1988.			
CHA	TRẦN VĂN THU	64/102250	Trung sĩ	Hoa viên	Cục tâm lý chiến.	3 ngày.	
171	HUỲNH VĂN TUẤN	10.05.1964	Quảng Nam	27.05.1988.	[illegible]	{Tử trận 28-2-67.	
CHA	HUỲNH THỨ	57/220710	Binh I		Tiểu đoàn 3/51.		Hồ sơ tử trận số A27/ tiểu đoàn 3/51
172	MAI ANH THANH VŨ	18.02.1970	Sài Gòn	27.05.1988			{được thả về vì bệnh nặng
CHA	MAI VĂN THUNG		Trung sĩ	Nhân viên ty CSQG	Ty CS Gia Long - Gò Công		chết tại Sài Gòn 1985
173	HUỲNH VĂN SANG	21.12.1974	Sài Gòn	27.05.1988			
CHA	HUỲNH VĂN SÁU		Hạ sĩ I	Tài xế	ĐĐ53VT TRĐ 155		
174	NGÔ QUANG ĐỊNH	06-01-1971	Sài Gòn	19.05.1988.			
CHA	NGÔ VĂN ĐIỀN	54/402919	Chuẩn úy	CLQ/HB	Tiểu khu Biên Hòa.		
175	LÊ THỊ THANH THẢO	23.04.1969	Đồng Ba	19.05.1988			
CHA	LÊ MINH ĐỨC	61/106009	Đại úy	Đại đội trưởng	Đại đội 304 TĐ 3C Biên Hòa	8 năm	
176	PHẠM THỊ NGỌC	08.05.1959	Sài Gòn	19.05.1988			
177	PHẠM LÊ TÂN	17-02-1970	"	"			
CHA	PHẠM VĂN CHAI	302.425	Trung sĩ I	Y tá	Quân y viện Trần Ngọc Minh	3 ngày.	Giấy ra trại số 1356.